MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 02 tháng 9 năm 1945 đã dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày 10 tháng 9 năm 1945, thay mặt Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã ký Sắc lệnh số 27/SL thành lập Sở Thuế quan và Thuế gián thu, tên gọi đầu tiên của Hải quan Việt Nam ngày nay, với nhiệm vụ "đảm bảo công việc của Sở Tổng Thanh tra độc quyền muối và thuốc phiện và các Sở Thương chính Bắc, Trung và Nam Bộ".

Đã 60 năm trôi qua, cùng với những thành tựu đã giành được trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, vị thế và vai trò của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và phát triển. Cùng với cả nước, Hải quan Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, luôn là lực lượng "gác cửa đất nước trên mặt trận kinh tế, chính trị, an ninh và đối ngoại" [39]. Trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay pháp luật hải quan đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển, tăng thu cho ngân sách nhà nước, từng bước hiện đại hóa và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Hải quan năm 1990, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm quản lý từ những năm 1985 trở về trước. Nhiều nội dung quy định của Pháp lệnh không còn phù hợp với các văn bản pháp luật được ban hành từ những năm 1990, đặc biệt là với Hiến pháp năm 1992. Pháp lệnh chưa thể chế hóa kịp thời quan điểm đổi mới của Đảng về chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến yêu cầu quản lý nhà nước

về hải quan, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của hội nhập khu vực và quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc có nghĩa vụ phải thực hiện.

Trong bối cảnh trên đòi hỏi cần phải hoàn thiện hơn nữa pháp luật hải quan nói chung, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa, hội nhập của ngành Hải quan để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Ngày 29 tháng 6 năm 2001 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa X, kỳ họp thứ 9) thông qua Luật Hải quan, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn 11 năm thực hiện Pháp lệnh Hải quan đồng thời tham khảo Luật Hải quan của một số nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới (Philippin, Indonesia, Trung Quốc, Úc, Pháp, Hoa kỳ). Việc ban hành Luật Hải quan có ý nghĩa quan trọng, góp phần hoàn thiện một bước hệ thống pháp luật Luật Hải quan trên nguyên tắc thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992 về xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội trong lĩnh vực hải quan. Luật đã nội luật hóa quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia, nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ, điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động hải quan, phù hợp với cơ chế quản lý trong giai đoạn mới.

Pháp luật hải quan nói chung và pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng cùng với Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại đã tạo động lực mạnh mẽ, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ thương mại phát triển nhanh chóng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng phát triển, thu hút rộng rãi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, góp phần giữ

vững ổn định về chính trị, bảo vệ lợi ích chủ quyền và an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu vẫn còn nhiều vấn đề cần khắc phục nhằm theo kịp với yêu cầu cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hải quan nói riêng, đồng thời đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, hội nhập hải quan khu vực và thế giới. Vì lý do đó, ngày 25/5/2005 kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan. Tuy vậy, việc quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu Luật cũng chỉ quy định những vấn đề chung, có tính nguyên tắc, đòi hỏi phải có nhiều văn bản quy định cụ thể, hướng dẫn thi hành.

Từ những yêu cầu đòi hỏi và thực trạng trên của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, qua thời gian học tập, nghiên cứu theo chương trình đào tạo cao học thuộc chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, là một cán bộ đang công tác trong ngành Hải quan tôi nhận thấy cần tiếp tục nghiên cứu, góp phần hoàn thiện bộ phận pháp luật quan trọng này. Chính vì vậy tôi chọn đề tài: "***Hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay***" để làm Luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời kỳ đổi mới đã có nhiều công trình nghiên cứu về pháp luật hải quan, quản lý nhà nước bằng pháp luật về hải quan nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, hiện đại hóa thủ tục hải quan, thực hiện cải cách mạnh mẽ hơn nữa thủ tục hành chính nhà nước về hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh, du lịch, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần bảo đảm thực hiện chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, hợp tác và

giao lưu quốc tế, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân. Có thể kể một số công trình quan trọng sau:

- *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về hải quan trong điều kiện hiện nay ở nước ta*, Luận án tiến sĩ Luật học của Vũ Ngọc Anh, năm 1999.

- "*Tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động hải quan ở Việt Nam hiện nay*", Luận văn thạc sĩ Luật học của Trần Văn Dũng, năm 2001.

- "*Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về kiểm tra và giám sát hải quan ở Việt Nam hiện nay*", Luận văn thạc sĩ Luật học của Hoàng Anh Công, năm 2001.

- "*Tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực hải quan ở Việt Nam hiện nay*", Luật văn thạc sĩ Luật học của Bùi Văn Thịnh, năm 2003.

- "*Đấu tranh chống buôn lậu của Cục Hải quan Bình Định - thực trạng và giải pháp*", Luận văn thạc sĩ Luật học của Trần Tấn Linh, năm 2004.

- "*Vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực hải quan và giải pháp xử lý*", Luận văn thạc sĩ Luật học của Lê Nguyễn Nam Ninh, năm 2004.

- Ngoài ra, còn có nhiều đề tài khoa học của ngành hải quan, nhiều bài viết của các cán bộ chuyên gia trong và ngoài ngành Hải quan liên quan đến đề tài luận văn đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Các đề tài nêu trên đã đề cập đến những vấn đề chung liên quan đến pháp luật hải quan, quản lý nhà nước bằng pháp luật về hải quan, một số lĩnh vực công tác cụ thể của ngành Hải quan, chưa có đề tài nào trực tiếp nghiên cứu những vấn đề mà đề tài luận văn của tác giả nghiên cứu.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Mục đích: Luận văn có mục đích làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn để đề xuất và luận chứng các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Phù hợp mục đích trên, luận văn có các nhiệm vụ sau:

- Phân tích những cơ sở lý luận liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, như doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu chí hoàn thiện bộ phận pháp luật này.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu; yêu cầu khách quan hoàn thiện pháp luật này.

- Đề xuất và luận chứng các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hiện nay.

Về phạm vi nghiên cứu: Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nội dung phong phú, bao gồm nhiều vấn đề thuộc nội dung quản lý nhà nước về hải quan. Trong khuôn khổ của luận văn thạc sĩ, tác giả luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các quy phạm trực tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan hải quan Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hải quan nói riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Về phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử mác xít, chủ yếu là các phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, phân tích và tổng hợp, lịch sử cụ thể.

5. Những đóng góp mới của luận văn

- Luận văn đã tập trung nghiên cứu một cách tương đối toàn diện, có hệ thống về những vấn đề lý luận của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, đặc biệt là về khái niệm, đặc điểm, vai trò và tiêu chí hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Về mặt thực tiễn, luận văn đã phân tích yêu cầu khách quan đề xuất và luận chứng một số giải pháp hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa thủ tục hải quan, hội nhập khu vực và quốc tế trong điều kiện mới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương, 7 tiết.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM

1.1. DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

1.1.1. Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung (năm 2003), doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh. Cũng theo Luật này hoạt động kinh doanh được hiểu là "việc thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, thực hiện các dịch vụ nhằm mục đích sinh lợi" [23]. Điều 4, Điều 14 của Luật quy định trình tự thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; các Điều 9, Điều 10 quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, trong đó tại khoản 5 Điều 9 quy định doanh nghiệp có quyền kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu. Như vậy, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung (năm 2003) là đối tượng áp dụng của Luật Doanh nghiệp, được tổ chức theo các loại hình kinh doanh mà Luật quy định (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), có các quyền và nghĩa vụ như các doanh nghiệp khác. Phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường, Luật Doanh nghiệp đã quy định một khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp dù thuộc bất kỳ thành phần nào, dù kinh doanh theo loại hình tổ chức kinh doanh nào, quy mô và ngành nghề kinh doanh cho dù khác nhau ra sao song cũng đều bình đẳng

với nhau trong kinh doanh, đều có các quyền tự do kinh doanh, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, có quyền tự do sở hữu không hạn chế về quy mô và được nhà nước bảo hộ, không quốc hữu hóa [23].

Bên cạnh những đặc điểm phổ biến trên, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có những đặc trưng riêng, thể hiện đậm nét ở hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu ở đây được hiểu là việc doanh nghiệp thực hiện trao đổi hàng hóa dịch vụ với các doanh nghiệp thuộc các quốc gia khác theo các hợp đồng kinh tế và hiệp định ký kết, phù hợp với tập quán thương mại và pháp luật của từng quốc gia. Sự trao đổi hàng hóa này là biểu hiện của mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa những người sản xuất hàng hóa riêng biệt ở mỗi nước trên thị trường thương mại thế giới [24].

Như vậy, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu có đối tượng là hàng hóa, là hoạt động buôn bán hàng hóa ở phạm vi quốc tế, cũng không phải là hoạt động riêng lẻ mà là cả một hệ thống các quan hệ mua bán trong một nền thương mại có tổ chức nhằm mục đích đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Điều đó có nghĩa hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu mà hiệu quả của nó không chỉ quyết định sự sống còn của doanh nghiệp, mà còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của quốc gia khác và quốc tế. Có thể thấy rõ điều này qua vai trò của nó.

- Về xuất khẩu, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò:

+ Xuất khẩu mang lại nguồn thu nhập ngoại tệ quan trọng cho các nước nói chung và nước ta nói riêng, góp phần đáng kể trong việc cải thiện cán cân ngoại thương và cán cân thanh toán, tăng dự trữ ngoại hối, đẩy mạnh việc nhập khẩu máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến và nhiên liệu cho phát triển công nghiệp.

+ Xuất khẩu cho phép nước ta phát huy được lợi thế so sánh của mình, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động và tài nguyên thiên nhiên phong phú trong chính sách "hướng về xuất khẩu" [2].

+ Cùng với sự gia tăng của xuất khẩu, nền kinh tế sẽ phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất chế tạo hàng hóa cho xuất khẩu từ đó thu hút được một lượng lớn người lao động, đồng thời do yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế về chất lượng, mẫu mã, chủng loại... của hàng hóa nên tay nghề của người lao động sẽ được nâng cao, tạo ra đội ngũ lao động lành nghề cho nền kinh tế. Đây là một tiền đề quan trọng giúp cho việc chuyển về chất từ cơ cấu nông, công nghiệp sang cơ cấu công, nông nghiệp.

+ Tăng cường xuất khẩu sẽ thúc đẩy đổi mới công nghệ, trang bị các loại máy móc thiết bị hiện đại hơn để có thể cung cấp ngày càng nhiều các loại sản phẩm hàng hóa dịch vụ có chất lượng ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu khắt khe và điều kiện cạnh tranh gay gắt của thị trường quốc tế.

+ Xuất khẩu đóng vai trò quyết định trong việc tăng cường sự hợp tác phân công lao động và chuyên môn hóa quốc tế, đưa nền kinh tế nước ta hòa nhập vào sự phát triển chung của kinh tế khu vực và thế giới, trở thành một mắt xích quan trọng trong quá trình phân công lao động quốc tế, từ đó góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa của kinh tế thế giới hiện nay.

- Về nhập khẩu, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò:

+ Nhập khẩu tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại, thực hiện việc cung cấp 60% đến 90% nguyên nhiên, vật liệu sản xuất trong nước.

+ Nhập khẩu tác động mạnh đến việc đổi mới trang thiết bị và công nghệ sản xuất nhờ đó mà công nghệ sản xuất được nâng cao và năng suất lao động tăng nhanh. Trong giai đoạn hiện nay của nền kinh tế đất nước, để đảm bảo phát triển kinh tế với tốc độ nhanh thì nhu cầu về nhập khẩu cũng gia tăng, nhất là máy móc thiết bị và công nghệ mới, nguyên vật liệu mà trong nước chưa thể sản xuất được hoặc không thể đáp ứng được đầy đủ.

+ Nhập khẩu làm cho thị trường hàng hóa trong nước dồi dào, phong phú hơn, giải quyết được tình trạng khan hiếm hàng hóa trên thị trường, điều hòa quan hệ cung cầu, tạo môi trường cạnh tranh kích thích người sản xuất trong nước phải cải tiến, hoàn thiện chất lượng, mẫu mã, bao bì của sản phẩm đáp ứng được nhu cầu cao của người tiêu dùng, sau đó là xuất khẩu sản phẩm.

Tóm lại, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp đóng vai trò hết sức to lớn và cần thiết, làm cho nền kinh tế nước ta gắn liền, hòa nhập với nền kinh tế thế giới, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho đất nước, tránh nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới mà còn tạo ra lợi thế về chính trị, kinh tế, xã hội cho đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Do vai trò quan trọng trên của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nên việc tổ chức và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp hết sức quan trọng và có nội dung hết sức phức tạp, không như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh trong nước. Đó là hoạt động bao gồm nhiều khâu có quan hệ chặt chẽ với nhau, quy định lẫn nhau và cùng quy định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, gồm khâu nghiên cứu tiếp cận thị trường trong và ngoài nước để lựa chọn được mặt hàng xuất nhập khẩu, cũng như đối tác kinh doanh, tiến hành giao dịch ký kết hợp đồng và cuối cùng là hoàn thành các thủ tục thanh toán và thanh lý hợp đồng. Các hoạt động đó có thể khái quát như sau:

Một là: Nghiên cứu thị trường.

Nguyên tắc hoạt động thương mại là bán những gì mà thị trường cần chứ không phải bán những gì mà người bán có. Chính vì thế trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu Doanh nghiệp phải tiến hành nghiên cứu thị trường để biết được những thông tin cần thiết về thị trường như khách hàng, hàng hóa, đối thủ cạnh tranh và các yếu tố trong mỗi luồng thông tin đó nhằm

phục vụ cho việc ra quyết định về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp được đúng đắn.

Nghiên cứu thị trường gồm nhiều công việc khác nhau, mỗi công việc có tính phức tạp riêng, có mục đích và yêu cầu riêng, mức độ đạt được các yêu cầu đó trực tiếp chi phối hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết là để lựa chọn ra mặt hàng kinh doanh thích hợp mang lại hiệu quả lớn nhất, nắm được mặt hàng mà thị trường đang cần; nắm được tình hình tiêu thụ hiện tại của các mặt hàng; xác định được thời gian và tình trạng mà sản phẩm đang tồn tại và tình hình sản xuất các mặt hàng, như tình hình cung cấp mặt hàng mà doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu định xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Muốn vậy doanh nghiệp phải làm rõ được khả năng sản xuất, tập quán sản xuất, thời vụ sản xuất, tốc độ phát triển sản xuất, mức độ tiến bộ khoa học kỹ thuật của sản xuất... để có cơ sở đảm bảo cho việc thu mua hàng hóa và có được nguồn hàng ổn định cho xuất khẩu và nhập khẩu.

Hai là: Nghiên cứu xác định rõ cụ thể thị trường trong và ngoài nước, nhằm trả lời câu hỏi xuất khẩu cái gì, nhập khẩu mặt hàng nào, nhu cầu của thị trường hàng hóa đó ra sao, sự biến động của thị trường hàng hóa đó như thế nào, ai là bạn hàng, phương thức giao dịch như thế nào... Cụ thể là:

+ Nắm được các thông tin về thị trường hàng hóa theo nhóm hàng, để hiểu rõ qui luật vận động của các mặt hàng; nắm bắt các yếu tố làm nhu cầu thị trường thay đổi có tính chất chu kỳ, như sự vận động của tình hình kinh tế các nước xuất khẩu mặt hàng đó, tính thời vụ trong sản xuất lưu thông và phân phối hàng hóa, nghiên cứu những ảnh hưởng của sự vận động này có ý nghĩa rất quan trọng quyết định việc định thời gian và đối tác giao dịch; nắm bắt các yếu tố ảnh hưởng lâu dài đến sự biến đổi dung lượng thị trường, như những thành tựu của khoa học kỹ thuật, các biện pháp, các chính sách của Chính phủ hoặc chiến lược phát triển của các tập đoàn lớn cũng có ảnh hưởng lớn đến sự thay đổi nhu cầu của thị trường, thị hiếu và tập quán tiêu dùng của thị trường

cũng là nhân tố ảnh hưởng quan trọng tới sự biến đổi nhu cầu thị trường... nắm bắt các yếu tố ảnh hưởng có tính chất tạm thời đến dung lượng của thị trường đó là việc đầu cơ gây đột biến về cung cầu, sự thay đổi tình hình chính trị xã hội, các biến động của thời tiết, thiên nhiên, đặc biệt là yếu tố giá cả thị trường.

Ba là: Lựa chọn đối tác kinh doanh xuất nhập khẩu.

Trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu doanh nghiệp kinh doanh luôn có rất nhiều bạn hàng, tuy nhiên để kinh doanh có hiệu quả đồng thời tránh được các rủi ro trong kinh doanh, doanh nghiệp phải biết lựa chọn trong số các bạn hàng để chọn ra một số đối tác tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của mình. Đây là một vấn đề rất khó khăn và tế nhị, các chủ thể kinh doanh có thể lựa chọn đối tác kinh doanh theo nhiều cách khác nhau trong các trường hợp khác nhau. Song các căn cứ thông thường được dùng để lựa chọn đó là:

- Quan điểm kinh doanh của đối tác.

- Lĩnh vực kinh doanh của đối tác.

- Khả năng về tài chính (vốn lưu động và tài sản cố định) của đối tác.

- Uy tín cùng các mối quan hệ trong kinh doanh của đối tác.

- Con người (xét về mọi mặt: tư cách đạo đức, tài năng...) đại diện cho đối tác trong khi kinh doanh và phạm vi trách nhiệm của họ.

Bốn là: Lập phương án kinh doanh.

Sau khi đã có kết quả của công việc nghiên cứu thị trường và phân tích giá cả cũng như xác định được đối tác làm ăn buôn bán, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu tiến hành lập phương án kinh doanh. Đây là kế hoạch hoạt động cụ thể trong tương lai của đơn vị kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đã đặt ra.

Việc xác định phương án kinh doanh phải theo một quy trình chặt chẽ, phức tạp, gồm đánh giá tổng quát về thị trường và các bạn hàng, lựa chọn mặt hàng xuất nhập khẩu cụ thể và điều kiện giá cả, phương thức kinh doanh thời

gian kinh doanh xuất nhập khẩu, đề ra các mục tiêu cụ thể cần đạt được trong kinh doanh, xây dựng các biện pháp, phương thức thực hiện đây chính là công cụ để thực hiện các mục tiêu đặt ra từ trước, sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế của quá trình kinh doanh.

Tóm lại, việc lập phương án kinh doanh xuất khẩu khẩu là rất quan trọng và cần thiết vì một phương án kinh doanh được lập ra một cách khoa học dựa trên cơ sở của sự phân tích tỉ mỉ đúng đắn và chính xác về thị trường, bạn hàng và về bản thân chủ thể kinh doanh có ý nghĩa quyết định đến sự thành hay bại của hoạt động kinh doanh nói chung và của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng.

Năm là: Giao dịch, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.

Đảm bảo cho hợp đồng ký kết có đầy đủ các nội dung và mức độ thống nhất cần thiết, tránh những sai sót đáng tiếc có thể xảy ra. Sau khi ký kết hợp đồng cần xác định rõ trách nhiệm nội dung và trình tự công việc phải làm và cố gắng không để xảy ra sai sót vì những sai sót sẽ gây ra thiệt hại cho các bên. Điều quan trọng trong hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu là việc thực hiện hợp đồng luôn có việc chuyên chở hàng qua biên giới cửa khẩu và do đó doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

Thủ tục hải quan là công cụ của nhà nước để quản lý hành vi buôn bán theo pháp luật, để kiểm tra giấy tờ, hàng hóa có sai sót, gian lận, giả mạo hay không để thống kê số liệu về hàng xuất nhập khẩu. Vì vậy, hàng hóa xuất nhập khẩu khi qua biên giới phải thông qua sự kiểm tra của cơ quan hải quan.

Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa phải làm các thủ tục hải quan sau:

+ Khai báo chi tiết về hàng hóa vào tờ khai hải quan, việc kê khai phải chính xác; Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan;

+ Xuất trình các thủ tục giấy tờ của việc xuất nhập khẩu hàng hóa để hải quan kiểm tra.

+ Xuất trình hàng hóa: hàng hóa phải được sắp xếp thuận tiện cho việc kiểm tra hải quan (trừ trường hợp thuộc diện miễn kiểm tra).

+ Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.

Sau khi kiểm tra giấy tờ và hàng hóa hải quan sẽ ra một trong các quyết định sau:

+ Cho hàng qua cửa khẩu (thông quan).

+ Cho hàng hóa qua biên giới sau khi chủ hàng đã nộp thuế xuất nhập khẩu (nếu có).

+ Không cho phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu khi phát hiện hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan. Chủ hàng hóa xuất nhập khẩu phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quyết định của cơ quan hải quan, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến việc thực hiện hợp đồng còn có rất nhiều việc phức tạp, như thuê tàu, mua bảo hiểm, kiểm tra chất lượng hàng hóa, giao nhận hàng hóa với tàu, với người nhập khẩu, thanh toán theo các phương thức khác nhau, giải quyết các khiếu nại nếu có.

Trong điều kiện quốc tế hóa, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp càng trở nên phức tạp, trong đó vấn đề xây dựng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu là yếu tố quyết định.

Chiến lược xuất khẩu là định hướng và kế hoạch tổng thể nhằm huy động các nguồn lực của doanh nghiệp để sản xuất hoặc huy động hàng xuất khẩu, bán và tiêu thụ hàng hóa tại thị trường nước ngoài nhằm mục tiêu mà doanh nghiệp đã đề ra là mở rộng thị trường, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng tỷ suất lợi nhuận. Chiến lược xuất khẩu thường bao gồm các thành phần chủ yếu sau:

+ Hàng hóa, thị trường: Phần này xác định đối tượng khách hàng phải đáp ứng và những nhiệm vụ đặt ra cho doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

+ Định hướng cho doanh nghiệp: Đưa sản phẩm hiện có vào thị trường; đưa sản phẩm đang ở thị trường này sang thị trường khác; phát triển sản phẩm và cung cấp sản phẩm mới cho thị trường hiện tại; đa dạng hóa sản phẩm dùng công nghệ mới, sản xuất ra những hàng hóa mới, dịch vụ hoàn hảo. Lợi thế cạnh tranh: Tương quan cạnh tranh so với đối thủ cạnh tranh trong ngành, lĩnh vực.

+ Thế năng: Nhằm có thể tạo ra ưu thế trong cạnh tranh hơn hẳn đối thủ, doanh nghiệp phải tạo ra thế năng được tận hưởng về các yếu tố có liên quan đó là: Lợi thế so sánh quốc gia, lợi thế so sánh của doanh nghiệp, khả năng chủ yếu của doanh nghiệp để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong xuất khẩu.

Chiến lược kinh doanh xuất khẩu có những đặc trưng sau:

+ Chiến lược xuất khẩu là chiến lược kinh doanh nếu căn cứ vào kim tự tháp phân cấp chiến lược. Chiến lược xuất khẩu thực chất là chiến lược cấp kinh doanh nhằm thực hiện việc tiêu thụ hàng hóa ra thị trường nước ngoài. Bao gồm các hoạt động: 1- sản xuất và huy động hàng hóa ở trong nước. 2- vận chuyển hàng hóa ra thị trường nước ngoài. 3- tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa ở nước khác.

+ Chiến lược xuất khẩu có đặc trưng quốc tế. Thực chất hoạt động xuất khẩu chính là hình thức đơn giản nhất, thể thức ban đầu của quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa các hoạt động kinh doanh. Vì vậy doanh nghiệp có thể đứng ra tiến hành các hoạt động xuất khẩu nếu xét thấy hiệu quả và đủ các điều kiện cần thiết.

+ Chiến lược xuất khẩu có tính chất kinh tế, yếu tố đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc xây dựng và thực hiện chiến lược doanh nghiệp, tiếp đến là ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nghiệp mà doanh nghiệp định hướng tới.

Khía cạnh kinh tế của chiến lược là các nhân tố tạo nên khả năng đạt được mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp. Tính tổ chức của chiến lược xuất khẩu thể hiện khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện chiến lược xuất khẩu đã đề ra đó là: Đạt kim ngạch nào đó trong một khoảng thời gian nhất định, đạt tới vị trí nào đó trên thị trường nước ngoài, chiếm bao nhiêu thị phần trên thị trường đối tượng. Để có được chiến lược kinh doanh có hiệu quả các nhà quản lý doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng chiến lược một cách thường xuyên, khoa học. Các bước xây dựng chiến lược xuất khẩu bao gồm: Tùy từng chiến lược kinh doanh mà nội dung và trình tự của việc xây dựng có những điểm khác nhau, song nhìn chung các chiến lược kinh doanh xuất khẩu thường bao gồm các nội dung như: Xác định mục tiêu, định hướng, tìm ra ưu thế, điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp, nghiên cứu môi trường trong nước và nước ngoài, hình thành và lực chọn chiến lược, phân bổ nguồn lực để phân bổ chiến lược. Việc xây dựng có thể theo những phương pháp khác nhau xuất phát từ mục tiêu đặt ra cho từng khâu, từng bộ phận rồi từ đó xây dựng cho từng doanh nghiệp. Ở đây những nội dung, mục tiêu của chiến lược kinh doanh xuất khẩu hình thành rồi triển khai tới các đơn vị, các bộ phận, thậm chí từng con người cụ thể. Có thể nói rằng đây là phương pháp có hiệu quả cao bảo đảm xây dựng một chiến lược khả thi nhất đáp ứng mục tiêu đề ra, thích hợp với điều kiện từng đơn vị, bộ phận đồng thời phát huy tính tích cực, tự giác và chủ động của doanh nghiệp nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu đã đề ra.

1.1.2. Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

1.1.2.1. Khái niệm

Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là tổng thể các quy phạm pháp luật mà nguồn của chúng ở rất nhiều các văn bản khác nhau, chủ yếu là các văn bản do Quốc hội, Chính phủ, các Bộ liên quan, đặc biệt là Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan

hướng dẫn ban hành nhằm điều chỉnh, tổ chức và hoạt động của chủ thể quản lý doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là các cơ quan hải quan, điều chỉnh tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, quản lý nhà nước của các cơ quan hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu của loại doanh nghiệp này. Có thể kể các nguồn chủ yếu của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

- Luật Doanh nghiệp.

- Luật Thương mại.

- Luật Hải quan.

- Luật Hàng hải.

- Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các Luật thuế, trong đó có Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể, hướng dẫn thực hiện các văn bản luật trên, chủ yếu do Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ban hành.

- Ngoài ra, các quan hệ kinh doanh xuất nhập khẩu là các quan hệ có yếu tố nước ngoài, vì thế nguồn quan trọng của pháp luật kinh doanh xuất nhập khẩu là các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết, tham gia với tư cách là thành viên; các tập quán, thông lệ thương mại quốc tế.

Ở góc độ quản lý, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu điều chỉnh các quan hệ là đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính, tức là những quan hệ trong quản lý hành chính nhà nước về hải quan nói chung, đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng. Nói cách khác, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan chính là nguồn của ngành Luật Hành chính [50].

Như vậy, từ khái niệm trên, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là một bộ phận của pháp luật thực định, với nội dung phong phú. Trong khuôn khổ có hạn của luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các quy phạm trực tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan hải quan, do đó chỉ tập trung nghiên cứu Luật Hải quan và các văn bản liên quan đến Luật này.

1.1.2.2. Đặc điểm của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Từ khái niệm được trình bày như trên có thể rút ra những đặc điểm của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

Một là: Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là một bộ phận của Luật Hải quan, Luật này ra đời từ rất sớm, cùng với sự xuất hiện nền sản xuất hàng hóa và hoạt động giao lưu thương mại quốc tế, với sự xuất hiện một tầng lớp chỉ làm công việc trao đổi hàng hóa là tầng lớp thương gia. Sự xuất hiện của tầng lớp thương gia đã làm cho các quan hệ thương mại vượt ra khỏi phạm vi của các địa bàn gần nhất mà việc thực hiện nó phụ thuộc vào các phương tiện giao thông hiện có, vào tình trạng an toàn xã hội và các nhu cầu ít hay nhiều, tùy thuộc vào mức độ phát triển tại các vùng mà các quan hệ đó có thể tới được. Thương mại dần dần vượt ra khỏi giới hạn một vùng, quốc gia, châu lục, đến nay hoạt động thương mại đã mang tính toàn cầu.

Trong bối cảnh trên các quốc gia đã đặt ra một loại thuế đặc biệt đánh vào quá trình trao đổi hàng hóa của các thương nhân, tiền thân của thuế hải quan. Lúc đầu thuế hải quan phát sinh từ các khoản thu mà các lãnh chúa phong kiến thu của các thương nhân đi qua lãnh địa của họ, để bằng cách đó thoát khỏi việc bị cướp bóc. Các khoản thu này về sau cũng được các thành

phố áp dụng, khi xuất hiện các nhà nước hiện đại thì thuế hải quan trở thành phương tiện thuận tiện nhất để tăng thu cho ngân sách nhà nước, bảo hộ sản xuất trong nước, phát triển và hội nhập thương mại quốc tế, góp phần quan trọng vào việc củng cố địa vị của giai cấp thống trị nhà nước.

Cùng với sự xuất hiện và phát triển của thương mại quốc tế thì hoạt động hải quan cũng xuất hiện.

Hoạt động hải quan bắt đầu phát triển ở Hy Lạp cổ đại do đặc điểm của đất nước này không có nhiều đất đai màu mỡ, hơn nữa lại bị bao bọc bởi biển cả nên đa số dân chúng sống nhờ vào buôn bán. Từ đầu thế kỷ VI trước công nguyên người A-ten đã nhập lúa mì từ Ai Cập, Xi Xin và sau đó là vùng Hắc Hải. Ngay từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại đã áp dụng chính sách ưu đãi thuế quan đối với các thuộc địa của mình ở ven bờ biển Hắc Hải. Tại đây suốt một thời gian dài không đánh thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa xuất đi hoặc nhập về từ Hy Lạp.

Ở nhiều nước khác, như ở Ai Cập cổ đại (thế kỷ IV trước công nguyên) chính quyền đã quy định nghiêm ngặt việc chở lương thực đến Alecxandria và xuất đi các sản phẩm của các thợ thủ công Ai Cập. Việc thu thuế hải quan được tiến hành tại các trạm Hải quan ở Alecxandria, Peluxi... thậm chí có cả một trạm Hải quan nội địa, tại Hermopol.

Đến thời kỳ các quốc gia Châu Âu và Châu Á thực hiện quá trình chuyển từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến thì đồng thời cũng diễn ra quá trình phát triển chính sách thuế quan hết sức phức tạp và mâu thuẫn. Mặc dù vẫn là một phương tiện quan trọng để tăng thu cho ngân sách, song thuế hải quan đã trở thành một công cụ cơ bản để điều chỉnh thương mại và khuyến khích sản xuất hàng hóa phát triển nhằm trao đổi, mua bán giao lưu giữa các vùng, miền, lãnh thổ, quốc gia. Luật Hải quan thời kỳ này phản ảnh xu hướng chính quyền thành phố trung cổ ngày càng tìm cách dùng biện pháp thuế quan để ngăn chặn sự tràn ngập của hàng hóa nước ngoài. Quy chế thành

phố Parma năm 1211 quy định tất cả đồ len dạ, vải vóc chở vào thành phố sẽ bị tịch thu.

Các quan hệ kinh tế giữa các thành phố, các quốc gia bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ XII và XIII. Trong chính sách thuế quan cũng có xu hướng tạo ra một hệ thống thuế quan chung trên biên giới phía ngoài của quốc gia. Tuy nhiên quá trình thống nhất hóa luật lệ hải quan ở các quốc gia diễn ra trong một thời gian khá dài. Trong thời kỳ này các quốc gia can thiệp rất tích cực vào ngoại thương, đặt ra các luật lệ thúc đẩy việc tích lũy tiền tệ cho ngân khố. Hàng hóa chỉ được đi qua một điểm nhất định. Theo Quy chế Henrie IV thế kỷ XV ở nước Anh thì các nhân viên Hải quan phải theo dõi nghiêm ngặt để không cho người nước ngoài mang tiền ra khỏi lãnh thổ.

Cuối thế kỷ XVII xuất hiện chủ nghĩa bảo hộ, nhiều đạo luật được thông qua để hạn chế việc nhập khẩu hàng hóa của các nước khác và khuyến khích xuất hàng hóa nội địa. Năm 1650 nước Anh ban hành luật cấm người nước ngoài buôn bán tại các thuộc địa của nước Anh nếu không được Chính phủ Anh cho phép. Nhìn chung, để bảo vệ lợi ích của mình mỗi cộng đồng, quốc gia đã tự quy định trong Luật Hải quan những biện pháp có ích nhất cho mình trong việc kiểm soát trao đổi hàng hóa để bảo vệ sản xuất, đồng thời thu được lợi nhiều nhất trong quan hệ với các cộng đồng khác. Đó cũng chính là bản chất của hoạt động hải quan. Có thể khẳng định không có trao đổi hàng hóa giữa các cộng đồng dân cư, ngày nay là giữa các quốc gia thì cũng không có hoạt động hải quan. Qua việc xem xét quá trình hình thành phát triển của hoạt động hải quan trên thế giới, có thể thấy chính sách hải quan của các nhà nước, khu vực lãnh thổ được đặt ra rất sớm nhằm phục vụ các yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, cộng đồng và cùng với nó đã xuất hiện hiện tượng vi phạm các chính sách hải quan nên quy định việc xử phạt chúng đã được đặt ra từ rất sớm [22].

Luật Hải quan ở mỗi quốc gia, ngoài những quy định có tính phổ biến chung đều có những đặc thù do tính chất khác nhau của chế độ chính trị, sự

chi phối của lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia, đồng thời chịu ảnh hưởng một phần của yếu tố truyền thống lịch sử pháp quyền, tập quán và bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện tập trung ở sự khác biệt trong các quy định về địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan. Chẳng hạn:

- Luật Hải quan Cộng hòa Pháp

Bộ Luật Hải quan Cộng hòa Pháp quy định địa vị pháp lý, thẩm quyền của tổ chức Hải quan. Theo Bộ luật này, Hải quan Pháp là Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu trực thuộc Bộ Tài chính thành viên của Chính phủ Pháp. Hải quan Pháp được nhân làm ba cấp: Hải quan Trung ương, Hải quan các khu vực và các đội Hải quan. Cũng như nhiều quốc gia khác trừ Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu trực thuộc Bộ Tài chính, hai cấp Hải quan còn lại là cấp trực thuộc Hải quan Trung ương và là các đơn vị hành chính độc lập không nằm trong bộ máy của chính quyền Nhà nước các cấp ở địa phương [38].

Tương tự như nhiều nước trên thế giới có nền kinh tế thị trường phát triển sớm và tương đối hoàn thiện, để đảm bảo việc kiểm soát các hoạt động kinh tế đối ngoại trên đường biên giới quốc gia, Hải quan Pháp được trao thẩm quyền khá rộng, trong đó, ngoài quyền hạn để thực thi 04 nhiệm vụ cơ bản như nhiều Hải quan của các nước trên thế giới, đặc biệt đề cao thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc kiểm soát, giám sát, khám xét, chống buôn lậu hàng hóa, nhất là việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm hải quan trước tòa án mà không nhất thiết phải qua cơ quan trung gian (cơ quan Công tố, Viện kiểm soát). Đặc điểm quan trọng khác về thẩm quyền của Hải quan Pháp là thẩm quyền quản lý nhà nước về hải quan được thực thi trên toàn lãnh thổ quốc gia, điều đó có nghĩa là thẩm quyền Hải quan Pháp thực thi quản lý Nhà nước về Hải quan không chỉ các khu vực biên giới, toàn bộ lãnh thổ nội địa nước Pháp. Theo Bộ luật này "Lãnh thổ hải quan bao gồm lãnh thổ và lãnh hải của nước Pháp lục địa của đảo Corse, của những hòn đảo của Pháp gần bờ biển và những tỉnh hải ngoại Guadeloupe, Guyanne, Marinique và

Re'union" (Điều 1); "Hoạt động của Hải quan bao trùm toàn bộ lãnh thổ Hải quan trong những điều kiện quy định trong Bộ luật này" (Điều 34); "Nhân viên Hải quan được sự ủy nhiệm của Tổng Giám đốc Hải quan và Thuế gián thu để làm việc này có thể khám xét mọi nơi, ngay cả tư nhân mà các hàng hóa và tài liệu... và có thể tịch thu chúng...", "được phép thực hiện tại bất cứ ở đâu những cuộc khám nhà theo những điều kiện quy định tại Điều 64 của Bộ luật này", "Những nhân viên này có thể yêu cầu tất cả các công sở cho biết những thông tin cần để cho họ hoàn thành nhiệm vụ và không ai được đưa bí mật nghề nghiệp ra để từ chối họ" (Điều 454 và 455). Từ đây có thể thấy rằng, tính tập trung thống nhất trong hoạt động của Hải quan Pháp rất được chú trọng, đảm bảo thực thi thẩm quyền quản lý nhà nước về hải quan không bị chia cắt, thông suốt từ biên giới đến nội địa và ngược lại từ nội địa đến biên giới quốc gia [22].

- Luật Hải quan ở Hoa Kỳ

Hải quan Hoa Kỳ được thành lập từ năm 1789 là một tổ chức Liên bang thuộc phân ban ngân sách của Chính phủ trong vai trò đảm bảo nguồn thu quan trọng cho ngân sách Liên bang, tuy nhiên địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan Hoa Kỳ được ghi nhận và khẳng định rõ hơn vào năm 1913, khi Chính phủ Mỹ triển khai thi hành Luật thuế thu nhập. Ngày nay địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan Mỹ được xác định tại Sắc lệnh về các thỏa thuận mua bán ngoại thương năm 1979; Sắc luật thuế quan và mua bán ngoại thương quốc tế Omibus năm 1984. Ngoài các văn bản pháp lý quan trọng kể trên, các quyết định năm 1992 thực thi Bộ Luật ngân sách quốc gia (phần 482), quyết định 1993, các nguyên tắc bổ sung việc xác định giá hải quan năm 1994, khẳng định một bước nữa địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan Mỹ. Đặc điểm nổi bật về quá trình phát triển thẩm quyền của Hải quan Mỹ không xuất phát từ hệ quả của quá trình thể chế luật pháp mà chính là từ vị trí, vai trò quyết định của nó trong hoạt động thương mại quốc tế. Cũng từ đó xảy ra sự

kiện ngày 11/9/2001 ở Mỹ mà năm 2002 Chính phủ Mỹ đã thành lập Bộ An ninh nội địa trong bộ phận cấu thành có Cục Hải quan Mỹ để thực hiện phối hợp với các cơ quan khác ngăn chặn xâm nhập của hoạt động khủng bố từ bên ngoài vào nước Mỹ. Đặc điểm về địa vị, thẩm quyền của Hải quan Mỹ, ngoài thẩm quyền như nhiều tổ chức Hải quan của các quốc gia khác, còn đóng vai trò là một cơ quan tham gia chống khủng bố, điều này cho thấy chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hải quan nhằm đảm bảo an ninh quốc gia được Nhà nước Mỹ rất coi trọng, đề cao [22].

- Luật Hải quan ở Trung Quốc

Ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Tổng cục Hải quan là một cơ quan do Quốc vụ viện thành lập (Chính phủ) đứng đầu là một Cao ủy Hải quan - hàm Bộ trưởng. Hiện nay Hải quan Trung Quốc thẩm quyền được xác định trong Luật Hải quan năm 1987 và được sửa đổi, bổ sung năm 2000 và các văn bản pháp luật và hành chính khác, điểm đặc trưng nổi bật về địa vị pháp lý cũng như thẩm quyền của Hải quan Trung Quốc là khẳng định sự hoạt động độc lập trong các cơ quan hành chính khác của Nhà nước.

Ngoài thẩm quyền như Hải quan nhiều nước, Hải quan Trung Quốc còn có thẩm quyền của "Công an chuyên trách chống tội phạm buôn lậu", điều này được hiểu là mọi tội phạm buôn lậu dù được cơ quan nào phát hiện đều phải chuyển cho Hải quan xử lý theo luật pháp. Luật Hải quan Trung Quốc cho thấy, thẩm quyền kiểm tra, giám sát của Hải quan được trao khá lớn về thực quyền và tập trung chủ yếu đảm bảo cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế hải quan sao cho có hiệu quả tốt nhất [22].

- Luật Hải quan ở Inđônêsia

Hải quan Inđônêsia là một bộ phận để hợp thành Tổng cục Hải quan và Thuế gián thu trực thuộc Bộ Tài chính, địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan Inđônêsia trước hết được khẳng định và ghi nhận tại đạo Luật Hải quan

năm 1985 và sau đó là các Luật về Thuế quan số 35 năm 1873, pháp lệnh về thuế quan số 628 năm 1910. Tuy là một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính nhưng vị trí, vai trò, chức năng của nó được khẳng định có tính độc lập rất cao, cũng như có thẩm quyền rất lớn trong việc kiểm tra, kiểm soát hàng hóa nhập khẩu, chống buôn lậu và xử lý vi phạm pháp luật hải quan. Điểm nổi bật quan trọng về địa vị pháp lý, thẩm quyền của Hải quan Inđônêsia đó là: Thực thi luật pháp về Hải quan trên toàn bộ lãnh thổ Inđônêsia kể cả vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và các eo biển sử dụng làm hàng hải quốc tế, để thực hiện chủ quyền của Nhà nước Inđônêsia; Luật Hải quan Inđônêsia quy định thực quyền của Hải quan rất rõ ràng, cụ thể, công khai và cũng rất chú trọng đảm bảo thẩm quyền độc lập để thực hiện chống buôn lậu, gian lận thương mại, như khi khám nhà, có hoạt động kinh doanh trái chỉ cần có lệnh của Tổng cục trưởng cũng như hạn chế sự can thiệp của các cơ quan khác của Nhà nước vào các hoạt động hải quan, chẳng hạn như quy định "quyền kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ, hồ sơ liên quan đến xuất nhập khẩu" mà không cần phải thông báo trước hoặc quy định: "Khóa niêm phong và các dấu hiệu bảo đảm đã được gắn như quy định, không được mở, tháo đi hay bẻ gãy mà không được sự đồng ý của nhân viên Hải quan" [40].

Ở Việt Nam, từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX các triều đại phong kiến đã lập ra bộ máy quản lý, thiết lập các trạm Hải quan (đồn binh quan ải), cử các chức quan chuyên trách, đề ra các quy định để kiểm soát, thu thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, xử lý nghiêm khắc bằng hình luật đối với các hành vi vi phạm, từ đó hình thành các quy định pháp luật về hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Hai là: Như trên đã phân tích (phần khái niệm) các quy phạm của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nguồn từ văn bản quy phạm pháp luật khác nhau do nhiều cơ quan khác nhau ban hành, song chủ yếu tập trung ở Luật Hải quan.

Vì lý do trên, tính nhất quán và thống nhất về định hướng và mục tiêu điều chỉnh giữa các quy phạm là đặc điểm hết sức quan trọng quyết định hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Điều này cũng đòi hỏi khi hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu không thể chỉ tập trung hoàn thiện Luật Hải quan mà không chú ý đến công tác rà soát, hệ thống hóa các nguồn có chứa đựng các quy phạm tạo thành pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Ba là: Do các quan hệ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu có yếu tố nước ngoài nên nguồn quan trọng của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu còn là các điều ước quốc tế song phương, đa phương của tư pháp quốc tế, các tập quán, nhất là các tập quán thương mại quốc tế.

Bốn là: Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu thể chế hóa và bảo đảm thực hiện các chính sách ngoại thương của nhà nước.

Xuất nhập khẩu hàng hóa có vai trò tích cực đối với nền kinh tế của mọi quốc gia, song cũng tiềm ẩn nhiều mặt bất lợi cho nền kinh tế, như: Xuất nhập khẩu nếu không có sự quản lý điều tiết tốt thì có thể ảnh hưởng đến các ngành sản xuất trong nước, nhất là các ngành công nghiệp non trẻ, có thể làm mất cân đối về cung cầu gây ra những biến đổi lớn về kinh tế...

Để khắc phục những hạn chế đó của xuất nhập khẩu đối với sự phát triển kinh tế của đất nước và đời sống của nhân dân, Nhà nước phải tiến hành quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu thông qua chính sách ngoại thương. Đây là chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng đến thương mại quốc tế thông qua việc đánh thuế trợ cấp hoặc thông qua những hạn chế về xuất nhập khẩu.

Mỗi một quốc gia hoạt động ngoại thương có các đặc trưng khác nhau nên chính sách ngoại thương cũng khác nhau. Chính sách ngoại thương của Nhà nước Việt Nam có nhiệm vụ là tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu tham gia sâu vào sự phân công lao động quốc tế, mở rộng hoạt động xuất khẩu, bảo vệ thị trường trong nước nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu về kinh tế, chính trị, xã hội trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Chính sách ngoại thương mà Chính phủ sử dụng để quản lý và điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu gồm có:

+ Chính sách thuế quan

Thuế xuất nhập khẩu được chính phủ ban hành nhằm quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần bảo vệ và phát triển sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, thuế quan cũng gây ra khoản chi phí xã hội do sản xuất trong nước tăng lên không hiệu quả và do giảm mức tiêu dùng trong nước. Do đó, chính phủ thực hiện chính sách thuế quan cần thận trọng trong việc xác định thuế xuất nhập khẩu đối với từng nhóm hàng cụ thể để đảm bảo sự hài hòa các mục tiêu do thuế quan tác động.

+ Hàng rào phi thuế quan

Việc cấm xuất nhập khẩu hoặc xuất nhập khẩu có điều kiện một số loại hàng hóa nào đó tùy thuộc vào chính sách kinh tế của mỗi nước, hàng rào phi thuế quan là hình thức bảo hộ mậu dịch tuyệt đối bằng biện pháp hành chính để đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường nội địa. Trừ một số loại hàng hóa có hại cho an ninh quốc gia, có hại cho cuộc sống của nhân dân như: ma túy, vũ khí, văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, có quốc gia còn cấm cả những loại hàng hóa bình thường như: lương thực thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc lá, phương tiện đi lại... để bảo vệ nền sản xuất trong nước.

Xét về mặt ngắn hạn, biện pháp này có tác dụng đối với một ngành, một lĩnh vực nào đó. Nhưng xét về mặt dài hạn thì biện pháp này chỉ có lợi

cho từng bộ phận dân cư vì hàng hóa này bị cấm nhập khẩu sẽ đắt lên, Chính phủ không thu được thuế xuất nhập khẩu của những loại hàng hóa đó, đồng thời làm tăng tình trạng buôn lậu đối với những hàng hóa bị cấm xuất nhập khẩu vì lợi nhuận quá cao. Đối với người sản xuất kinh doanh, ban đầu thì có lợi nhưng về lâu dài do được bảo hộ bằng biện pháp hành chính của nhà nước (bảo hộ mậu dịch tuyệt đối), nên sản phẩm sẽ không được cải tiến nâng cao chất lượng mẫu mã đó sẽ giảm sức cạnh tranh, chất lượng không được hoàn thiện, sản xuất sẽ kém phát triển làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế.

Ngoài những nhân tố nêu trên Chính phủ còn sử dụng một số biện pháp khác như quy định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xuất nhập khẩu, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn lao động về mức độ ô nhiễm môi trường; biện pháp bảo đảm tín dụng hoặc thực hiện tín dụng, cấm bán phá giá và các biện pháp khác như tham gia điều ước và hiệp định mậu dịch song phương và đa phương.

+ Chính sách hạn ngạch xuất nhập khẩu (quota)

Hạn ngạch xuất nhập khẩu là quy định của chính phủ về số lượng và giá trị của một mặt hàng được Nhà nước cho phép xuất nhập khẩu trong một thời gian nhất định.

Chính sách về hạn ngạch xuất nhập khẩu nhằm quản lý hoạt động xuất nhập khẩu cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của từng quốc gia. Chính phủ dùng hạn ngạch để bảo hộ sản xuất trong nước, bảo vệ tài nguyên môi trường, đảm bảo sự phát triển nền kinh tế bền vững và thực hiện cán cân thanh toán. So sánh với thuế quan thì hạn ngạch xuất nhập khẩu có những tác động khác đến hoạt động kinh tế không đem lại khoản thu cho ngân sách Nhà nước, song đem lại lợi ích lớn; bên cạnh đó giấy phép xuất nhập khẩu theo hạn ngạch đã bị một số doanh nghiệp lợi dụng để thực hiện những lợi ích cá nhân làm ảnh hưởng đến nền kinh tế. Do đó, có trường hợp gây ra tiêu cực trong

việc xin cấp giấy phép hạn ngạch xuất nhập khẩu giữa cơ quan chủ quản và tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu cần được khắc phục.

+ Chính sách trợ cấp xuất nhập khẩu

Để tạo điều kiện tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm về mặt giá cả trên thị trường thế giới, trong một số trường hợp chính phủ phải thực hiện trợ cấp xuất khẩu. Trợ cấp xuất khẩu sẽ làm tăng giá nội địa của hàng xuất khẩu giảm tiêu dùng trong nước và tăng sản lượng xuất khẩu.

+ Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái là giá cả đồng tiền của nước này được tính theo đồng tiền nước khác. Tỷ giá hối đoái tăng sẽ ảnh hưởng đến cán cân thanh toán làm tăng nhập khẩu giảm xuất khẩu dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại và ngược lại.

Chính vì thế mà nhà nước sẽ chủ động tác động đến tỷ giá hối đoái để có thể tăng xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu ở một mức tốt nhất có thể được, nhằm chống thâm hụt cán cân thương mại thúc đẩy kinh tế phát triển [36].

1.1.2.3. Nội dung của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nội dung phong phú, được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau:

- Trong Luật Doanh nghiệp, đó là các quy định về trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp, các loại hình tổ chức kinh doanh, địa vị pháp lý của doanh nghiệp, nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Trong Luật Thương mại, đó là các quy định điều chỉnh hoạt động thương mại, trong đó có hoạt động thương mại quốc tế mà doanh nghiệp Việt Nam tham gia hoạt động thương mại trên thị trường thế giới.

- Trong Bộ luật Dân sự mới, có hiệu lực từ 01/01/2006 có các quy định về tài sản, sở hữu, về hợp đồng dân sự.

- Trong các Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu có các quy định về thuế suất đánh vào hàng hóa xuất nhập khẩu theo chính sách thuế của Nhà nước (thuế suất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt...).

- Trong các Luật Đầu tư nước ngoài và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước có các quy định về thủ tục đăng ký hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, quy định về khuyến khích đầu tư trong nước, quy định về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trang thiết bị máy móc tạo thêm tài sản cố định...

Như trên đã phân tích, phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ ở các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cơ quan hải quan, nên các quy phạm của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu chủ yếu tập trung trong Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện. Các quy phạm đó quy định các nội dung sau:

Một là: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan các cấp.

Hai là: Quy định những nội dung quản lý nhà nước về hải quan, trong đó có quy định quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Trong nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có các nội dung quan trọng sau:

+ Các quy định về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

+ Các quy định về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan của doanh nghiệp xuất nhập khẩu (trong thời hạn 5 năm kể từ ngày hàng hóa xuất nhập khẩu được thông quan).

+ Các quy định về trách nhiệm của công chức hải quan khi thi hành công vụ cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp có hàng hóa xuất nhập khẩu.

+ Các quy định liên quan đến các nội dung trên trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết và trong các quy định của Hải quan khu vực và của Tổ chức Hải quan thế giới.

Các quy định về thủ tục hải quan là bộ phận quan trọng của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Thủ tục hải quan là một loại thủ tục hành chính do cơ quan hải quan tiến hành nhằm thực hiện quyền kiểm tra, giám sát nhà nước về hải quan. Thủ tục hải quan quy định các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh như:Khai và nộp tờ khai hải quan, nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, ngoài ra các thủ tục hành chính đó phải được thực hiện trong những thời hạn và tại các địa điểm do pháp luật quy định.

Theo quy định của Luật Hải quan thì thủ tục hải quan phải được làm tại các trụ sở Hải quan, việc kiểm tra, giám sát hải quan cũng được thực hiện tại các địa điểm được pháp luật quy định như tại các cửa khẩu, các địa điểm làm thủ tục hải quan và địa điểm kiểm tra hải quan ngoài khu vực cửa khẩu [21].

Những quy định của pháp luật về hồ sơ hải quan, các chứng từ trong hồ sơ hải quan, trình tự khai, nộp hay xuất trình các chứng từ trong hồ sơ hải quan, các quy định về kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải, nghĩa vụ của người khai hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan đều nhằm đảm bảo để cơ quan quản lý nhà nước quyết định thông quan cho hàng hóa, phương tiện vận tải khi xuất nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, mặt khác có thể quản lý được quá trình tuân thủ pháp luật của người khai hải quan,

đảm bảo để các chế độ quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa được tuân thủ nghiêm chỉnh, pháp luật trật tự nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu được đảm bảo.

1.1.2.4. Vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Cũng như vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước nói chung, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có vai trò quan trọng nhiều mặt, là công cụ pháp lý sắc bén đảm bảo cho ngành Hải quan thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của ngành, quản lý có hiệu lực, hiệu quả các hoạt động hải quan, trong đó có hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa. Cụ thể là:

- Phát huy vai trò, vị trí của cơ quan hải quan trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Hải quan Việt Nam ngày nay đã và đang thực hiện đầy đủ chức năng trực tiếp quản lý nhà nước về hoạt động hải quan, là cơ quan có chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của hệ thống pháp luật. Vị trí, vai trò của Tổng cục Hải quan Việt Nam được xác định trong nhiều văn bản pháp luật thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước hết được ghi nhận ở trong các văn bản pháp luật quan trọng như: Luật Hải quan ngày 29/6/2001, Nghị định số 96/2002/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 113/2002/QĐ-TTg ngày 04/9/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 25/5/2005, đây là những văn bản xác định đặc trưng chủ yếu địa vị pháp lý của Hải quan Việt Nam. Bên cạnh các văn bản này, địa vị pháp lý của Hải quan Việt Nam còn được khẳng định trong hàng loạt văn bản thuộc văn bản pháp luật Nhà nước lĩnh vực chuyên ngành khác có liên quan, như các Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật Thương mại và các văn bản chi tiết thi hành. Bộ Luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, các văn bản pháp luật quy định về xử lý, tố tụng hành chính...

Theo Luật Hải quan hiện hành, Hải quan Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan, thực thi pháp luật hải quan trên phạm vi cả nước. Điểm này đã cho thấy, Hải quan Việt Nam là cơ quan quản lý hành chính nhà nước, nên có hầu hết bản chất, đặc trưng của cơ quan hành pháp.

Tuy nhiên, do tính chất, đặc điểm đặc thù của quản lý nhà nước về hải quan nói chung, đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng, địa vị pháp lý của hệ thống cơ quan hải quan cũng mang tính chất đặc thù, đó là hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, là cơ quan của Bộ Tài chính, song Bộ Tài chính là thành viên của Chính phủ lại được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều này cho thấy, hệ thống các cơ quan hải quan từ Trung ương đến địa phương, vị trí của nó có tính đặc thù so với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước chuyên ngành khác. Theo các quy định pháp luật Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Tổng cục Hải quan, Chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố, không lệ thuộc vào chính quyền địa phương các cấp về điều hành, tổ chức hoạt động.

- Đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Hải quan Việt Nam trong quản lý doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, cụ thể là:

+ Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là cơ sở pháp lý điều chỉnh toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh qua biên giới Việt Nam. Đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản, chủ yếu nhất, nói lên bản chất, vai trò của Hải quan trong nền kinh tế nói chung, kinh tế đối ngoại nói riêng. Nhiệm vụ này được nhà nước khẳng định ghi nhận vào pháp luật, thể hiện ý nghĩa sâu sắc: Hải quan là công cụ "gác cửa", "mở cửa" ngăn chặn, đẩy lùi "làn gió độc" để đến với thế giới, đón thế giới đến với Việt Nam, là "tuyến đầu" trên mặt trận an ninh kinh

tế, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo hộ sản xuất trong nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị, định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam [34].

+ Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là cơ sở pháp lý trong đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ rằng, không chỉ thời đại ngày nay mới có buôn lậu, vận chuyển trái pháp hàng hóa qua biên giới, mà hoạt động này đã phát sinh cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa của xã hội loài người. Nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới đã được Nhà nước trao cho Hải quan Việt Nam cùng với thời điểm ra đời, phát triển xuyên suốt 60 năm qua.

+ Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu quy định chính sách thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Nhiệm vụ này được hình thành ngay từ khi Nhà nước thành lập Sở Thuế quan và Thuế gián thu (ngày 10/9/1945), và được kế thừa phát triển cho đến ngày nay. Nhiệm vụ này đảm bảo một phần nguồn thu cho quốc khố từ nguồn thuế và thu khác từ các hoạt động xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, hàng năm nguồn thu này đảm bảo từ 25-30% trong tổng số thu vào ngân sách nhà nước. Chính từ nguồn thu này mà Nhà nước điều chỉnh kịp thời chính sách kinh tế đối ngoại, bảo hộ sản xuất trong nước, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của nhân dân [20].

Trong điều kiện của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa vai trò là công cụ quản lý của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu lại càng đặc biệt quan trọng. Thực tiễn chỉ ra rằng ngày nay hầu hết các quốc gia có chủ quyền hoặc lãnh thổ tự trị dù đã gia nhập hoặc chưa gia nhập các liên minh hải quan đều phải ban hành pháp luật hải quan, thiết lập tổ chức Hải quan của mình để kiểm soát hàng hóa, phương tiện xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh qua biên giới, thu thuế và thu khác cho ngân khố của quốc gia, lãnh thổ tự trị đó. Hệ thống luật lệ của các nước đều xác định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung hoạt

động cũng như cơ cấu, tổ chức Hải quan của Nhà nước đó. Ở mỗi Nhà nước, hải quan và pháp luật về hải quan, trong đó có pháp luật quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu đã và đang trở thành một công cụ quan trọng, thiết yếu trong nhiệm vụ thực thi chính sách về các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa với các nước khác, là công cụ "đóng, mở" để đẩy mạnh sự giao lưu, hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích, chủ quyền an ninh kinh tế và an ninh quốc gia, thể hiện chủ yếu ở những phương diện sau đây:

+ Là công cụ pháp lý quan trọng trong việc bảo hộ, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa của mình. Thông qua hàng rào hải quan do pháp luật quy định để kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hàng hóa, phương tiện xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động buôn lậu, vận chuyển hàng hóa, tiền tệ... qua biên giới. Hải quan đã góp phần đảm bảo cho nền kinh tế ổn định, bảo hộ sản xuất, tiêu dùng trong nước, mặt khác Hải quan đã trở thành công cụ quan trọng trong việc bảo vệ hàng rào thuế quan góp phần vào điều tiết các hoạt động kinh tế của mỗi quốc gia, cũng như thông qua thu, nộp thuế đã góp phần không nhỏ vào nguồn tài chính tạo ngân sách nhà nước.

+ Là công cụ pháp lý quan trọng góp phần không nhỏ vào bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của mỗi nước. Vai trò này của pháp luật hải quan được thể hiện ở những hoạt động phát hiện, xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan, đảm bảo các quy tắc quản lý nhà nước về hải quan được tôn trọng, bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng, an toàn vệ sinh dịch tễ, môi trường, sức khỏe của nhân dân, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, kịp thời ngăn chặn những hành động đe dọa lợi ích, chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích của người kinh doanh xuất nhập khẩu [52].

+ Góp phần quan trọng vào việc cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài, thúc đẩy và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của mỗi quốc gia. Bởi vì, thông qua việc xây dựng, ban hành, thực thi luật lệ, chính sách hải quan có liên quan đến đầu tư nước ngoài, hải quan và hoạt động hải quan ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ đến quyền và lợi ích của các nhà đầu tư nước ngoài.

1.2. TIÊU CHÍ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Có nhiều tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, song có bốn tiêu chí quan trọng sau:

1.2.1. Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải bảo đảm tính nhất quán, toàn diện

Như trên đã phân tích pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là một bộ phận của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan, vì vậy tiêu chí hoàn thiện trên của nó là đặc biệt quan trọng, thể hiện:

- Các quy định của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải nhất quán về mục tiêu, phù hợp với các nội dung quản lý nhà nước về hải quan đối với các lĩnh vực khác thuộc chức năng quản lý nhà nước của cơ quan hải quan.

- Các quy định trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải toàn diện về tất cả các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tạo ra được khuôn khổ pháp lý thuận lợi và môi trường kinh doanh xuất nhập khẩu lành mạnh cho doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả.

1.2.2. Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu phải có quan hệ thống nhất với các bộ phận pháp luật trong các lĩnh vực khác có liên quan

Hiện nay cơ quan hải quan thông qua việc làm thủ tục hải quan và thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, cũng có nghĩa vụ đảm bảo cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh, quá cảnh theo đúng các quy định

của nhà nước, các chế độ về giấy phép và hạn ngạch xuất nhập khẩu đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, các chế độ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác, chế độ xuất nhập khẩu tiền Việt Nam, các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, các quy định về tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường, an toàn thực phẩm, sức khỏe người tiêu dùng... các quy định về xuất xứ hàng hóa, về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Vì lẽ đó mức độ hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải được thể hiện thống nhất với các bộ phận pháp luật quy định về những vấn đề trên, có nghĩa là:

- Thống nhất với các quy định của Luật Doanh nghiệp về các nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

- Thống nhất với những quy định quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu mà cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật hiện nay được quy định tại Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001-2005. Quyết định này ban hành Danh mục hàng hóa cấm xuất nhập khẩu thời kỳ 2001-2005, Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có điều kiện, Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu theo diện quản lý chuyên ngành và các nguyên tắc áp dụng Danh mục này trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành. Theo Quyết định này hàng hóa nếu thuộc diện quản lý của Bộ Thương mại thì phải theo quy định của Bộ Thương mại; nếu thuộc diện quản lý chuyên ngành thì phải chịu sự điều chỉnh, quản lý theo các văn bản của các Bộ chuyên ngành mới được xuất, nhập khẩu. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát về mặt Nhà nước để đảm bảo cho các chế độ quản lý theo Quyết định số 46/TTg kể trên cũng như theo quy định của Bộ Thương mại hoặc của các Bộ chuyên ngành được tuân thủ đầy đủ, đúng quy định..

- Thống nhất với những quy định về quản lý điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa. Đây là bộ phận pháp luật quan trọng góp phần đẩy mạnh kinh tế

Việt Nam hội nhập với nền kinh tế quốc tế, tham gia vào nền thương mại toàn cầu. Do đó tiếp tục đổi mới, hoàn thiện pháp luật trong quản lý về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải tiến hành song song với đổi mới, hoàn thiện về pháp luật quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, trong đó cần phải theo quan điểm yêu cầu: 1- tinh giảm các biện pháp quản lý bằng giấy phép, hạn ngạch xuất nhập khẩu, giảm nhanh bảo hộ phi quan thuế những mặt hàng sản xuất đòi hỏi công nghệ cao, doanh nghiệp đầu tư trong nước không có khả năng cạnh tranh, sản xuất; 2- giảm các đầu mối cơ quan quản lý chuyên ngành xuất nhập khẩu để tránh trùng lắp; 3- khẩn trương khắc phục những quy định bất cập, không phù hợp với thực tế, hoặc chồng chéo, thiếu chặt chẽ dễ lợi dụng để buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, hoặc nhập khẩu hàng hóa gây thiệt hại cho môi trường và người tiêu dùng về sức khỏe, tính mạng; 4- sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật mới để tạo nhiều thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hàng tiêu dùng nhằm đẩy lùi cạnh tranh, lấn át của hàng ngoại trên thị trường nội địa; thống nhất hóa chính sách, biện pháp quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa biên mậu, cho phù hợp với thực tế từng vùng biên, đối ứng hiệu quả với chính sách biên mậu của nước láng giềng, bãi bỏ phân biệt về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa "tiểu ngạch và chính ngạch".

- Thống nhất với bộ phận pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Pháp luật về thuế mặt khác cũng phải được đổi mới, sao cho vừa phải đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới vào năm 2006, nhưng phải tuân thủ chỉ đạo của Đảng "tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế, đơn giản hóa sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài" [11]. Do đó xây dựng hệ thống pháp luật về thuế phải đảm bảo "chính sách thuế xuất nhập khẩu có định hướng nhất quán để không gây khó khăn cho doanh nghiệp trong tính toán có hiệu quả kinh doanh", sửa đổi, kiện toàn hệ thống pháp luật về thuế hàng hóa xuất nhập

khẩu gắn với mục tiêu đẩy nhanh, mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường hướng về xuất khẩu, bảo hộ sản xuất nội địa, hỗ trợ tối đa cho những ngành nghề sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu sang các nước, khu vực và trên thế giới, phù hợp với các điều ước quốc tế về ưu đãi thuế xuất nhập khẩu, ưu đãi tối huệ quốc trong các Hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước, ưu đãi đặc biệt với các nước ASEAN, tiến tới hội nhập hệ thống thuế quan theo WTO, EU, với các nước trong APEC, thực hiện sự đồng bộ, thống nhất một bảng, biểu thuế đơn giản, ít thuế suất phù hợp với tiến trình cắt giảm thuế của khối ASEAN, tiến tới hội nhập hệ thống thuế quan theo WTO. Riêng đối với thuế xuất nhập khẩu cần tiếp tục giảm số lượng mức thuế suất, xóa bỏ ưu đãi theo tỷ lệ nội địa hóa, thu hẹp diện miễn giảm thuế, đẩy mạnh việc áp dụng hạn ngạch và bảng giá tối thiểu một công cụ không phù hợp với thông lệ quốc tế...

- Thống nhất với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự liên quan đến thẩm quyền điều tra chống buôn lậu, gian lận thương mại của ngành Hải quan phù hợp với điều kiện thực tế. Điều này đòi hỏi pháp luật về tố tụng trên, ngoài thẩm quyền điều tra đối với tội buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới cần giao bổ sung, giao thẩm quyền cho ngành Hải quan điều tra, khởi tố một số tội khác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán trái phép qua biên giới, ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, quân trang, quân dụng, chất độc, chất cháy, hàng hóa vi phạm môi trường, dịch bệnh, cần sửa đổi quy định về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, điều tra ban đầu hợp lý về thời hạn, bởi các hành vi phạm tội liên quan đến hoạt động Hải quan hầu hết đều xảy ra ở khu vực biên giới, địa bàn miền núi hiểm trở, xa xôi, khó khăn.

- Do đặc trưng của các quan hệ xuất nhập khẩu là những quan hệ có yếu tố nước ngoài, nên pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, đặc biệt là trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế phải có sự tương thích nhất định với pháp luật và tập quán quốc tế, khu vực và pháp luật hải quan các nước.

1.2.3. Về phương diện chính trị, pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp phải thể chế hóa đường lối xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách đổi mới trong lĩnh vực đối ngoại, trực tiếp là chính sách xuất nhập khẩu

Bám sát chủ trương chính sách của Nhà nước về quan hệ thương mại quốc tế, đặc biệt chuẩn bị đầy đủ các điều kiện sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, đòi hỏi pháp luật quản lý nhà nước về hải quan ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với các chuẩn mực của pháp luật hải quan các nước khu vực và pháp luật hải quan thế giới.

1.2.4. Về phương diện kỹ thuật, các quy định của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, phải được công khai hóa, các doanh nghiệp đều được tiếp cận một cách dễ dàng, thuận tiện, cập nhật thường xuyên, liên tục

Các văn bản liên quan đến pháp luật quản lý nhà nước về hải quan khi xây dựng, ban hành hướng dẫn thực hiện cần đảm bảo để doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu dễ thực hiện, có tính khoa học, minh bạch và có tính khả thi cao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 có ý nghĩa đặt cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Đó là các vấn đề sau:

- Phân tích khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Trong nội dung này luận văn khẳng định pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan không phải là một ngành luật, hay chế định luật, mà là tổng

hợp của nhiều quy phạm được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, do nhiều cơ quan khác nhau ban hành, song có cùng chung mục đích điều chỉnh, có tính liên thông, nhất quán, đồng bộ về nội dung nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, cũng như đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; của ngành Hải quan Việt Nam hiện nay.

- Trong nội dung thứ nhất, để đi đến kết quả luận văn đã phân tích đặc điểm của doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, phân tích một số khía cạnh lịch sử xuất hiện và phát triển của hải quan, đồng thời trình bày pháp luật hải quan ở một số nước với mục đích so sánh, đối chiếu, làm rõ vấn đề.

- Nội dung quan trọng của chương 1 là phân tích các tiêu chí hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, chú trọng cả tiêu chí hoàn thiện nội dung, tiêu chí hoàn thiện về hình thức và yêu cầu chính trị cũng như yêu cầu thực hiện đổi mới chính sách ngoại thương và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

2.1. VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

- Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, ngày 10/9/1945, Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh số 26/SL giữ nguyên những luật lệ cũ về thuế quan, thuế gián thu. Cùng ngày Chính phủ ra tiếp Sắc lệnh số 27/SL thành lập " Sở Thuế quan và Thuế Gián thu" thuộc Bộ Tài chính, tiền thân của Hải quan Việt Nam ngày nay. Đây là hành động kịp thời có ý nghĩa chính trị, kinh tế quan trọng, góp phần tích cực vào việc bảo vệ, thực thi về chủ quyền ngoại thương và thuế quan của Nhà nước cách mạng non trẻ.

Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), nhiệm vụ chủ yếu của ngành thuế quan lúc này là "bao vây kinh tế địch, kiểm soát việc trao đổi hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, chống buôn lậu xa xỉ phẩm ngoại hóa và tích cực thu thuế nhập nội, đánh thuế gián thu vào một số hàng hóa lưu thông ở vùng tự do" [39]. Khi hòa bình được lập lại (năm 1954), theo Nghị định số 136/BCT-KB-NĐ ngày 14/12/1954 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Sở Thuế quan và Sở Gián thu trên được đổi thành "Sở Hải quan" thuộc Bộ Công thương [39].

- Điều lệ Hải quan được ban hành kèm theo Nghị định số 03/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 27/02/1960. Năm 1984 Tổng cục Hải quan được thành lập trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) theo Nghị quyết số 547/NQ-HĐNN7 ngày 30/8/1984 của Hội đồng Nhà nước. Ngày 20/02/1990

Pháp lệnh Hải quan được ban hành thay thế Điều lệ Hải quan. Tháng 7 năm 1993 Hải quan Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Hải quan Thế giới và trong khuôn khổ của tổ chức này đã có nhiều hoạt động mang lại kết quả thiết thực. Ngày 29/6/2001, Quốc hội Việt Nam ban hành Luật Hải quan thay thế Pháp lệnh Hải quan và có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 với mục tiêu "góp phần bảo đảm thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, hợp tác và giao lưu quốc tế, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" [21]; ngày 25/5/2005 Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

Với sự bổ sung này cơ quan hải quan từ chỗ là công cụ chủ yếu để thu thuế "xuất nhập cảng"... và "thực hiện chính sách độc quyền ngoại thương" của Nhà nước, chuyển sang thực hiện chính sách "tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh" phục vụ công cuộc đổi mới, cải cách hành chính, mở cửa hội nhập, tham gia toàn cầu hóa kinh tế của Nhà nước ta, từ đó pháp luật hải quan ngày càng hoàn thiện theo thời gian:

- Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, vị trí vai trò chức năng của Hải quan đã có nhiều thay đổi lớn, được ghi nhận trong nhiều văn bản: Pháp lệnh Hải quan (ngày 20/6/1990); Luật Hải quan (29/6/2001). Hải quan Việt Nam từ chức năng "chuyên chính" là chủ yếu để "kiểm soát ngoại thương" đã chuyển sang chức năng chủ đạo phục vụ hoạt động kinh tế đối ngoại, bảo hộ góp phần phát triển kinh tế trong nước, thực hiện các cam kết hợp tác kinh tế quốc tế, phục vụ các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế là công cụ "gác cửa", "mở cửa" để thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Mặt khác để thực hiện được chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Hải quan Việt Nam phải chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng khác của Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực hải quan.

Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu là một bộ phận của pháp luật quản lý nhà nước về hải quan cũng ra đời và phát triển theo lộ trình trên, mà thực trạng của nó được trình bày trong các tiết sau đây.

2.2. THỰC TRẠNG CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THEO PHÁP LỆNH HẢI QUAN VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

Pháp lệnh Hải quan ban hành ngày 20/02/1990 (gồm 8 chương, 51 điều) có hiệu lực từ ngày 01/5/1990 được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Hải quan (02/1960), Nghị định 139/HĐBT ngày 20/10/1984 của Hội đồng Bộ trưởng và tổng kết thực tiễn hoạt động và xây dựng ngành Hải quan qua 30 năm thực hiện Điều lệ Hải quan. Trong hơn 10 năm thực hiện, Pháp lệnh Hải quan đã là cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về hải quan và là văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực hải quan, trong giai đoạn đó nội dung của Pháp lệnh Hải quan đã thể hiện bước phát triển mới về công tác quản lý nhà nước về hải quan và hoạt động hải quan đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới. Pháp lệnh Hải quan là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện các chế độ kiểm tra, kiểm soát, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh; đấu tranh chống buôn lậu và vi phạm pháp luật hải quan có hiệu quả, mở rộng hợp tác quốc tế về hải quan. Những tư tưởng cơ bản thể hiện trong pháp lệnh là sự quán triệt các quan điểm đổi mới của Đảng về quan hệ kinh tế đối ngoại, hợp tác giao lưu quốc tế về tài chính, về bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Pháp lệnh Hải quan ra đời đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng về chất, thể hiện ở cả quy mô, phương thức và hiệu quả hoạt động của Hải quan.

Tuy nhiên, đứng trước thực tế yêu cầu phát triển của đất nước, yêu cầu của việc phải thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham

gia Pháp lệnh Hải quan đã bộc lộ những bất cập không chỉ với việc phải làm thủ tục và kiểm tra, giám sát khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu đang tăng lên nhanh chóng mà còn trở nên bất cập ngay với yêu cầu về quản lý hải quan, cụ thể là:

- Quy định về chế độ kiểm tra, giám sát hải quan không đầy đủ, không phản ánh được thực tiễn kiểm tra, giám sát kiểm soát, như Điều 15 Pháp lệnh Hải quan, quy định này cũng không tạo được cơ sở pháp lý cho việc phát hiện, bắt giữ hàng hóa chưa hoàn thành thủ tục hải quan lưu thông trong nội địa và nhất là vấn đề kiểm tra sau thông quan trong điều kiện hải quan không có đủ nhân lực và vật lực để đảm bảo kiểm tra nhanh chóng tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu các cửa khẩu.

- Quy định về việc kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu cũng còn sơ lược và không cụ thể. Bản thân Pháp lệnh sau đó là Nghị định 171/HĐBT năm 1991 quy định về thủ tục hải quan, Nghị định 16/CP ngày 25/3/1999 thay thế Nghị định 171/HĐBT mới chỉ thể hiện được những yêu cầu về hồ sơ hải quan mà chưa có quy định cụ thể đối với chủ sở hữu của từng đối tượng chịu kiểm tra, giám sát hải quan nên rất khó khăn trong việc xác định trách nhiệm và xử lý các sai phạm xảy ra. Pháp lệnh cũng chưa đề cập tới trách nhiệm pháp lý của người vận chuyển hàng hóa và chế tài đối với họ nên nhiều trường hợp có sự đổ lỗi cho nhau giữa chủ sở hữu hàng hóa vi phạm hợp đồng và người gửi cũng như người vận chuyển, đặc biệt thiếu sót này đã được một số công ty lợi dụng triệt để khi hàng hóa nhập về không đúng như khai báo (cố ý để trốn thuế, hoặc trong trường hợp nhập hàng cấm, hạn chế), nếu bị phát hiện họ đổ lỗi cho người gửi... Pháp lệnh không có các quy định làm cơ sở cho việc xác định đúng trách nhiệm của công chức hải quan khi họ đã làm hết trách nhiệm của mình. Pháp lệnh cũng không có quy định về việc buộc tái xuất những lô hàng không được phép nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu có điều kiện và cũng chưa quy định cụ thể các điều kiện để tái xuất khẩu [42].

- Các quy định về việc kiểm tra hải quan đối với hành lý, ngoại hối, văn hóa phẩm, bưu phẩm, bưu kiện xuất nhập khẩu mới chỉ đề ra các nguyên tắc chung là chính, do đó nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ, khi thực hiện vẫn áp dụng theo các văn bản pháp quy của các cơ quan khác, do đó vấn đề không đồng bộ, thiếu chặt chẽ và chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật là không thể tránh khỏi.

- Vấn đề kiểm tra, kiểm soát các phương tiện vận tải xuất nhập cảnh và quá cảnh cần phải được bổ sung những quy định mới về việc gắn trách nhiệm nghĩa vụ của người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải với hàng hóa mà họ vận chuyển, gắn trách nhiệm pháp lý của chủ sở hữu phương tiện vận tải với chính phương tiện của mình khi tham gia vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Pháp lệnh cũng chưa phân biệt rõ các loại hình phương tiện vận tải, xuất nhập cảnh bao gồm các phương tiện vận tải xuất nhập cảnh mang tính chất thương mại (chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu) và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh dưới các hình thức khác, do đó quy định về thủ tục hải quan cũng như kiểm tra, giám sát hải quan trong lĩnh vực này cũng chưa được rõ ràng và chặt chẽ.

- Pháp lệnh cũng chưa có quy định quản lý đối với những loại hình mới xuất hiện trong các hoạt động xuất nhập khẩu cũng như đầu tư nước ngoài: Gia công cho nước ngoài, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu thương mại tự do, quan hệ giữa các doanh nghiệp trong và ngoài khu chế xuất, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ [42].

2.3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THEO LUẬT HẢI QUAN VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

Luật Hải quan được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2001 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002 được xây dựng trên cơ sở tiếp thu, kế thừa những quy định của Pháp lệnh Hải quan năm 1990 và thể chế hóa đường lối

chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong điều kiện mới. Luật Hải quan ra đời nhằm thực hiện mục tiêu: "Góp phần bảo đảm thực hiện chính sách của Nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, hợp tác và giao lưu quốc tế, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" [21]. Trước đó hoạt động hải quan được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Hải quan được xây dựng và ban hành trước khi Hiến pháp năm 1992 ra đời, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm quản lý nhà nước về hải quan từ những năm 1985 trở về trước, do đó chưa phản ánh được đầy đủ tinh thần của Hiến pháp năm 1992, chưa thể chế hóa kịp thời các quan điểm đổi mới của Đảng về chính sách phát triển kinh tế-xã hội liên quan đến yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, bên cạnh đó nhiều nội dung của Pháp lệnh không thống nhất và không còn phù hợp với các văn bản pháp luật được ban hành từ sau năm 1990 đến nay và chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của các cam kết quốc tế liên quan đến hoạt động hải quan mà Việt Nam tham gia hoặc có nghĩa vụ phải thực hiện. Luật Hải quan ra đời nhằm mục đích giải quyết những mâu thuẫn đó.

Luật Hải quan ra đời là một bước hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan với mục tiêu thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 1992 về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vào lĩnh vực hải quan, nội luật hóa các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ điều chỉnh các quan hệ kinh tế-xã hội liên quan đến hoạt động hải quan phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới, thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính, góp phần giữ vững ổn định chính trị để phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho hội nhập quốc tế đồng thời tham gia bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Qua một thời gian triển khai thi hành Luật Hải quan, trên thực tế đã thể hiện những mặt tích cực của Luật Hải quan đối với đời sống kinh tế - xã

hội, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu và đầu tư cũng như hiệu quả quản lý nhà nước về mặt hải quan. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đã bộc lộ những điểm còn hạn chế, chưa phù hợp cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện.

2.3.1. Những mặt tích cực của Luật Hải quan trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

+ *Thủ tục hải quan thông thoáng, thuận lợi*: Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hải quan các chế độ kiểm tra, giám sát hải quan ban hành thực hiện Luật đã quy định tương đối rõ ràng, cụ thể kịp thời, theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục được đáp ứng yêu cầu giám sát, quản lý và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Quy định mới đã giải tỏa được các ách tắc trong các khâu nghiệp vụ như việc đối chiếu nợ thuế và kiểm tra tính thuế, trả hồ sơ.

+ *Tạo môi trường pháp lý kinh doanh bình đẳng*: Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã quy định rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của các bên tham gia quan hệ pháp luật hải quan, với các quyền mà trước đây chưa được quy định trong pháp luật hải quan.

Tương ứng với các quyền của người khai hải quan mới được quy định như trên, Luật Hải quan cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành đã cụ thể hóa trách nhiệm của công chức hải quan, quy định nhiệm vụ và quyền hạn cơ bản của công chức hải quan khi làm thủ tục hải quan.

Những quy định của Luật Hải quan đi vào cuộc sống thực tế đã góp phần minh bạch hóa, dân chủ hóa đáng kể hoạt động kinh tế xã hội trong lĩnh vực hải quan, nâng cao quyền của người khai hải quan.

+ *Phù hợp các chuẩn mực và cam kết quốc tế*: Nội dung của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành đã nội luật háo các quy định về việc phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu theo danh mục hài hòa mô tả và mã hóa

hàng hóa, Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa được Việt Nam tham gia và có hiệu lực từ ngày 01/01/2000, quy định về việc áp dụng trị giá GATT trong việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quy định về việc áp dụng các biện pháp kiểm soát chống vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và đặc biệt hơn cả trong lĩnh vực điều chỉnh các quan hệ pháp luật mới phát sinh. Luật Hải quan (các điều từ 57-59) và các văn bản hướng dẫn thi hành (Điều 14 Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001) đã quy định về nguyên tắc, điều kiện, thủ tục tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phù hợp với Hiệp định Trips và lộ trình thực thi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ.

+ *Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan*: Trong năm 2004 và 6 tháng đầu năm 2005 các Cục Hải quan tỉnh, thành cũng đã chủ động triển khai theo sự phân định về địa bàn hoạt động hải quan, đã thực hiện việc giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế kết hợp với sắp xếp hợp lý dây chuyền thủ tục, các khâu công tác, chuyển từ kiểm tra tại cửa khẩu sang hậu kiểm tra trên cơ sở phân tích thông tin đã giúp cơ quan hải quan vừa tiết kiệm được nguồn nhân lực, vừa đảm bảo công tác, so sánh số tăng kim ngạch xuất nhập khẩu so với cùng kỳ năm trước tăng đáng kể, đối chiếu với số biên chế không đổi của ngành Hải quan thời kỳ vừa qua cũng có thể nói rằng Luật Hải quan đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng suất lao động của công chức hải quan nói riêng và ngành Hải quan nói chung. Ngoài ra trong hoạt động chống buôn lậu và gian lận thương mại đã phát hiện và xử lý theo quy định pháp luật (kèm bảng phụ lục 2).

Như trên đã nêu, ưu điểm quan trọng của Luật Hải quan cũng như các văn bản quy định cụ thể, hướng dẫn thực hiện Luật đã quy định một hệ thống thủ tục hải quan thông thoáng tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được thuận lợi. Điều này được thể hiện rõ nét trong quyết định số

56/2003/QĐ-BTC ngày 16/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan khi doanh nghiệp có hàng hóa xuất nhập khẩu với các việc sau:

Thứ nhất: Khi làm thủ tục hải quan cho lô hàng xuất nhập khẩu, người khai hải quan (doanh nghiệp) phải nộp hồ sơ hải quan tại trụ sở Chi cục Hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hải quan và tính chính xác của nội dung kê khai trong tờ khai hải quan.

- Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu gồm các chứng từ phải nộp sau:

+ Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu: 02 bản chính; Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc giấy tờ có giá trị tương đương hợp đồng: 01 bản sao; Hóa đơn thương mại (nếu hàng thuộc đối tượng chịu thuế): 01 bản chính.

+ Ngoài ra, chứng từ phải nộp thêm đối với các trường hợp sau đây: Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa đóng gói không đồng nhất): 02 bản chính; văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với mặt hàng thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện): 01 bản chính (nếu xuất khẩu một lần). Trường hợp văn bản trên được sử dụng xuất khẩu nhiều lần thì nộp bản sao, xuất trình bản chính, Chi cục Hải quan làm thủ tục lần đầu cấp phiếu theo dõi trừ lùi, đóng dấu nghiệp vụ số 02 vào bản chính văn bản cho phép và ghi: "Đã cấp phiếu theo dõi trừ lùi, ngày, tháng, năm". Bản chính trả chủ hàng và bản sao lưu Hải quan; Hợp đồng ủy thác xuất khẩu (nếu nhận ủy thác xuất khẩu): 01 bản sao.

+ Chứng từ phải xuất trình: Giấy chứng nhận đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu: 01 bản (bản sao hoặc bản chính).

- Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, gồm:

+ Chứng từ phải nộp: Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu: 02 bản chính;

Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc giấy tờ có giá trị tương đương hợp đồng: 01 bản sao; Hóa đơn thương mại: 01 bản chính; Vận tải đơn: 01 bản sao

chụp từ các bản original (bản gốc) hoặc bản surrendered (vận đơn giao hàng tại cảng) hoặc bản chính của các bản vận tải đơn có ghi chữ copy (bản sao).

+ Chứng từ phải nộp thêm đối với các trường hợp sau đây: Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng hóa đóng gói không đồng nhất): 01 bản chính và 01 bản sao; Tờ khai trị giá hàng nhập khẩu (đối với trường hợp quy định hàng thuộc diện phải khai tờ khai trị giá): 02 bản chính; Văn bản cho phép nhập khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu có điều kiện): 01 bản chính (nếu nhập khẩu một lần). Trường hợp văn bản trên được sử dụng nhập khẩu nhiều lần thì nộp bản sao, xuất trình bản chính, Chi cục Hải quan làm thủ tục lần đầu cấp phiếu theo dõi trừ lùi, đóng dấu nghiệp vụ vào bản chính văn bản cho phép và ghi: "Đã cấp phiếu theo dõi trừ lùi, ngày, tháng, năm". Bản chính trả chủ hàng và bản sao lưu Hải quan; Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) (đối với trường hợp quy định phải nộp): 01 bản chính; Hợp đồng ủy thác nhập khẩu (nếu nhận ủy thác nhập khẩu): 01 bản sao; Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa hoặc thông bán miễn kiểm tra do cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng cấp (đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục phải kiểm tra nhà nước về chất lượng): 01 bản chính; Giấy đăng ký kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch cấp (đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm dịch): 01 bản chính; Khi làm thủ tục cho hàng hóa nhập khẩu qua cảng biển, người khai Hải quan phải nộp thêm Lệnh giao hàng (D/O), trường hợp lô hàng do Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu làm thủ tục thì người khai Hải quan có thể nộp D/O cho Chi cục Hải quan làm thủ tục hải quan hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng.

- Các quy định khác về các chứng từ trong hồ sơ hải quan, gồm:

+ Quy định về chứng từ được nộp chậm, bổ sung, thay thế, sửa chữa chứng từ, hồ sơ chờ kết quả giám định thực hiện theo quy định tại điểm 2 Điều 7 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, các chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

+ Các chứng từ trong hồ sơ hải quan nếu quy định là bản sao thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền của Giám đốc doanh nghiệp xác nhận sao y bản chính, ký tên, đóng dấu lên các chứng từ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các chứng từ đó.

Thứ hai: Quy định quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng mua bán, gồm các bước:

Bước 1: Tiếp nhận, đăng ký tờ khai Hải quan và quyết định hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa trong đó có nội dung:

- Quy định nhiệm vụ của công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai Hải quan.

Việc tiếp nhận, đăng ký tờ khai hải quan cho 01 lô hàng do 01 công chức hải quan thực hiện và chịu trách nhiệm làm đầy đủ các công việc sau đây:

+ Kiểm tra sự đồng bộ và đầy đủ của hồ sơ hải quan theo quy định, trường hợp không chấp nhận đăng ký hồ sơ hải quan thì phải báo cáo lãnh đạo trực tiếp và sau đó thông báo lý do cho người khai hải quan biết.

+ Kiểm tra việc kê khai theo nội dung yêu cầu trên tờ khai hải quan, cứng từ thuộc hồ sơ hải quan, sự phù hợp của nội dung khai hải quan với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan.

+ Đối chiếu chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu với lô hàng xuất khẩu.

+ Nhập dữ liệu của tờ khai hải quan vào máy vi tính và đăng ký tờ khai hải quan.

+ Chuyển hồ sơ hải quan cho Lãnh đạo Chi cục.

+ Lập biên bản vi phạm (nếu có), với nội dung: Đề xuất xử lý đối với hành vi vi phạm thuộc quyền xử lý của Chi cục trưởng; hoàn chỉnh hồ sơ để

lãnh đạo Chi cục báo cáo cấp trên xử lý đối với trường hợp vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng; ra thông báo thuế theo số thuế tự tính, tự kê khai của người khai hải quan đối với các trường hợp sau: Hàng miễn kiểm tra thực tế; hàng chuyển cửa khẩu.

- Quy định nhiệm vụ của lãnh đạo Chi cục phụ trách quy trình thủ tục hàng hóa xuất khẩu gồm:

+ Quyết định hình thức, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa.

+ Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm trong thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng, hoặc xác nhận vào hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính báo cáo cấp trên đối với trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng (nếu có).

+ Ký xác nhận đã làm thủ tục hải quan và thông quan đối với trường hợp quy định trên hoặc chuyển hồ sơ cho bộ phận làm nhiệm vụ kiểm tra thực tế hàng hóa, tính thuế (đối với trường hợp hàng xuất khẩu thuộc đối tượng chịu thuế và phải kiểm tra thực tế).

+ Giải quyết các vướng mắc vượt thẩm quyền của công chức hải quan cấp dưới.

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra tính thuế. Bước này do một lãnh đạo Đội phụ trách; việc kiểm tra thực tế hàng hóa và kiểm tra tính thuế do 02 công chức hải quan cùng thực hiện (không phân biệt mỗi người làm một việc). Các công chức thực hiện nhiệm vụ ở bước 2 này phải làm đầy đủ và chịu trách nhiệm về công việc sau đây:

- Đối với lô hàng phải kiểm tra: Kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định hiện hành và quyết định của lãnh đạo Chi cục về hình thức và tỷ lệ kiểm tra, xác nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa vào tờ khai hải quan.

- Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế: Kiểm tra việc tự tính thuế của người khai hải quan, đối chiếu nội dung tự kê khai, tự tính thuế của

người khai hải quan với kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có) và chính sách về thuế, giá, quyết định điều chỉnh số thuế phải nộp (nếu có), ra thông báo thuế hoặc biên lai thu thuế, việc thông báo thuế thực hiện như sau:

+ Hàng đã có kết quả kiểm tra thực tế (thông báo thuế theo kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa).

+ Hàng chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định làm cơ sở để tính thuế (thông báo thuế trên cơ sở số thuế tự tính, tự kê khai của người khai hải quan).

+ Hàng chưa thông quan được trong ngày (thông báo thuế trên cơ sở số thuế tự tính, tự kê khai của người khai hải quan).

- Chuyển hồ sơ hải quan cho lãnh đạo Đội trực tiếp điều hành khâu kiểm tra thực tế hàng hóa, kiểm tra tính thuế để ký xác nhận lô hàng đã làm thủ tục hải quan.

- Đối với lô hàng phải lập biên bản vi phạm thì: Đề xuất xử lý đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng hoặc hoàn chỉnh hồ sơ để lãnh đạo Chi cục báo cáo cấp trên xử lý đối với trường hợp vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng.

+ Nhập dữ liệu về kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa và tính thuế vào máy vi tính.

+ Đóng dấu nghiệp vụ "Đã làm thủ tục hải quan" vào tờ khai hàng hóa xuất khẩu và trả cho chủ hàng.

+ Chuyển hồ sơ cho đội kế toán thuế và phúc tập hồ sơ hải quan.

Thứ ba: Quy định quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu theo hợp đồng mua bán gồm các bước:

Bước 1: Tiếp nhận, đăng ký tờ khai hải quan và quyết định hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa, với nội dung:

- Quy định nhiệm vụ của công chức hải quan tiếp nhận, đăng ký tờ khai Hải quan:

Việc tiếp nhận, đăng ký tờ khai hải quan cho 01 lô hàng do 01 công chức hải quan thực hiện và chịu trách nhiệm làm đầy đủ các công việc sau đây:

+ Kiểm tra danh sách doanh nghiệp phải cưỡng chế làm thủ tục hải quan.

+ Các công việc được quy định tại điểm 1 Bước 1 phần trên.

- Quy định nhiệm vụ của lãnh đạo Chi cục phụ trách quy trình thủ tục nhập khẩu, gồm:

+ Quyết định hình thức, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa.

+ Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm trong thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng, hoặc xác nhận vào hồ sơ phạt vi phạm hành chính báo cáo cấp trên đối với trường hợp vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng (nếu có).

+ Giải quyết các vướng mắc vượt thẩm quyền của công chức hải quan cấp dưới.

+ Ký xác nhận đã làm thủ tục hải quan và thông quan đối với trường hợp quy định tại điểm 6 phần 1 hoặc chuyển hồ sơ hải quan cho bước 2 đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế, hoặc chuyển hồ sơ hải quan cho bước 3 đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế.

Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa. Bước này do 01 lãnh đạo Đội phụ trách, việc kiểm tra hàng hóa phải do ít nhất hai công chức hải quan thực hiện và chịu trách nhiệm về các công việc sau:

- Kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của lãnh đạo Chi cục.

- Xác nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa vào tờ khai hải quan.

- Đối với lô hàng phải lập biên bản vi phạm thì: Đề xuất xử lý đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng; hoàn chỉnh hồ sơ

để lãnh đạo Chi cục báo cáo cấp trên xử lý đối với trưởng hợp vượt thẩm quyền của Chi cục trưởng.

+ Nhập dữ liệu về kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa vào máy vi tính.

+ Chuyển hồ sơ cho khâu nghiệp vụ tiếp theo như sau: Chuyển cho Bước 3 đối với lô hàng có thuế, có lệ phí hải quan để công chức hải quan kiểm tra việc tính thuế của chủ hàng; chuyển cho lãnh đạo Đội trực tiếp điều hành khâu kiểm tra thực tế hàng hóa đối với lô hàng không thuế để xác nhận đã làm thủ tục hải quan và thông quan và trả tờ khai hải quan cho chủ hàng; chuyển cho lãnh đạo Chi cục phụ trách quy trình giải quyết.

Bước này (bước 3) do một lãnh đạo Đội phụ trách, việc kiểm tra tính thuế cho một lô hàng do một công chức thực hiện (trừ việc thu tiền do thủ quỹ thực hiện). Công chức hải quan làm nhiệm vụ kiểm tra tính thuế phải thực hiện đầy đủ và chịu trách nhiệm đối với các công việc sau:

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, kết quả tự tính thuế của người khai hải quan và kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có) để kiểm tra xác định số thuế phải nộp của lô hàng, viết biên lai lệ phí hải quan, ra thông báo thuế hoặc biên lai thu thuế.

- Chuyển biên lai thu thuế và biên lai lệ phí cho thủ quỹ.

- Nhập dữ liệu vào máy tính.

- Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Đội trực tiếp điều hành khâu kiểm tra tính thuế để xác nhận đã làm thủ tục hải quan và thông quan và trả tờ khai hải quan cho chủ hàng.

- Chuyển hồ sơ hải quan cho Đội kế toán thuế và phúc tập hồ sơ hải quan.

Thứ tư: Pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu cũng quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa khi làm thủ tục hải quan, cụ thể:

- *Về quyền của doanh nghiệp, gồm:*

+ Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin liên quan đến việc khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn làm thủ tục hải quan;

+ Xem trước hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa dưới sự giám sát của công chức hải quan trước khi khai hải quan để đảm bảo việc khai hải quan được chính xác;

+ Đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra lại thực tế hàng hóa đã kiểm tra, nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan hải quan, trong trường hợp hàng hóa chưa được thông quan;

+ Khiếu nại, tố cáo việc làm trái pháp luật của cơ quan hải quan, công chức hải quan;

+ Yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh do cơ quan hải quan, công chức hải quan gây ra theo quy định của pháp luật;

+ Được sử dụng hồ sơ hải quan điện tử để thông quan hàng hóa;

+ Được yêu cầu cơ quan hải quan xác nhận bằng văn bản khi có yêu cầu xuất trình, bổ sung hồ sơ, chứng từ.

- *Về nghĩa vụ của doanh nghiệp, gồm:*

+ Khai hải quan và thực hiện đúng quy định về khai hải quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ giấy với hồ sơ điện tử;

+ Thực hiện các quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa;

+ Lưu giữ hồ sơ hải quan, sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan; xuất trình hồ sơ, cung cấp thông tin, chứng từ liên quan khi cơ quan hải quan yêu cầu kiểm tra;

+ Bố trí người phục vụ việc kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải; nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Không được thực hiện hành vi đưa hối lộ công chức hải quan dưới mọi hình thức để gian lận thương mại, trốn thuế nhằm mưu lợi bất chính [17].

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong các quy định của quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Việc thực hiện Luật Hải quan những năm qua đã mang lại những kết quả hết sức thiết thực đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thi hành Luật cũng đã phát hiện một số vướng mắc ảnh hưởng đến tác dụng tích cực của Luật. Thủ tục hải quan tuy đã thông thoáng đơn giản nhưng vẫn còn có hiện tượng ách tắc, phiền hà, tỷ lệ hàng nhập khẩu tiến hành kiểm tra toàn bộ còn chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu được miễn kiểm tra ở một số địa phương còn thấp. Tình hình buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên tất cả các tuyến nhìn chung vẫn diễn biến phức tạp. Hình thức buôn lậu, chủng loại hàng hóa đa dạng hơn, đặc biệt là việc đối tượng buôn lậu lợi dụng những sơ hở của chế độ, chính sách quản lý và điều hành xuất nhập khẩu của Nhà nước như chính sách khấu trừ thuế đầu vào đối với hàng hóa nông, lâm, hải sản xuất khẩu, tiêu chuẩn định lượng hành lý được miễn thuế, khai báo sai số lượng, trọng lượng, chủng loại hàng, khai báo lưỡng tính để gian lận thuế nhập khẩu và các khoản thuế khác...Những vướng mắc đó có nguyên nhân do một số quy định của Luật chưa phù hợp với thực tế, có nguyên nhân do bản thân quá trình triển khai thi hành Luật hoặc nguyên nhân do những bất cập của cơ quan trực tiếp thi hành Luật. Cụ thể là:

- Một số quy định của Luật Hải quan chưa thể hiện được hết tính chất của hoạt động hải quan đặc biệt về chức năng chống buôn lậu, chống gian lận thương mại của Hải quan) như các quy định về địa bàn hoạt động hải quan

hiện hành thực chất mới chỉ là địa bàn làm thủ tục hải quan trong khi đó hải quan phải thực hiện nhiệm vụ chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên toàn tuyến. Việc quy định địa bàn hoạt động theo Luật chưa bao hàm hết được tính chất hoạt động của cơ quan hải quan và đã phần nào hạn chế hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan. Theo quy định của Hải quan các nước tiên tiến thì họ đều xác định địa bàn hoạt động hải quan là trùng khớp với lãnh thổ quốc gia mà ở đó chủ quyền hải quan của quốc gia được thực hiện một cách đầy đủ.

- Quy định của Luật Hải quan về hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa tuy có tiến bộ nhưng những quy định về tiêu chí để áp dụng các hình thức kiểm tra này chưa thật phù hợp hoặc thiếu tính linh hoạt mềm dẻo để dễ thích ứng với thay đổi của tình hình thực tế như việc quy định "cứng" việc kiểm tra xác suất không quá 10% hay một số mặt hàng được miễn kiểm tra thực tế.

- Quy định về thẩm quyền khám người, thẩm quyền lập biên bản vi phạm, giám định hàng hóa xuất nhập khẩu về đối tượng chịu kiểm tra sau thông quan về trách nhiệm của người đứng đầu cảng vụ, sân bay, cảng biển, ga đường sắt liên vận quốc tế... chưa thực sự tương thích với quy định của các Luật chuyên ngành, do đó ảnh hưởng đến việc phối hợp trên thực tế giữa các cơ quan này với cơ quan hải quan, chẳng hạn việc giải quyết hàng hóa tồn đọng tại cảng biển chưa được giải quyết dứt điểm do hàng hóa tồn đọng tại cảng biển cũng như tại các địa bàn hoạt động khác của Hải quan, ngoài việc bị điều chỉnh bởi Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Hàng không dân dụng còn bị điều chỉnh bởi Luật Dân sự, Luật Hải quan hoặc những văn bản hướng dẫn Luật lại không thống nhất.

- Số lượng văn bản hướng dẫn Luật Hải quan còn thiếu, không đồng bộ, một số Nghị định liên quan đến việc thực hiện Luật Hải quan quan trọng như Nghị định khai báo điện tử... chưa được ban hành, một số nghị định đã được ban hành nhưng chưa được hướng dẫn chi tiết thi hành như Nghị định 60

về trị giá tính thuế, vấn đề thẩm quyền điều tra của Hải quan, mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự đã trao cho cơ quan hải quan thẩm quyền điều tra, đặc biệt tại khoản 3 Điều 65 Luật Hải quan đã quy định tại cơ quan hải quan có quyền "áp dụng biện pháp nghiệp vụ trinh sát cần thiết theo quy định của pháp luật để phát hiện hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" [21], nhưng từ trước đến nay chưa có văn bản nào cụ thể hóa vấn đề này, do vậy cơ quan hải quan gặp rất nhiều khó khăn trong công tác xây dựng cơ sở bí mật, mua tin, trích thưởng và một số chi phí khác trong hoạt động điều tra, nhất là các vụ bắt giữ ma túy, chưa có văn bản quy định chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hải quan trực tiếp làm công tác chống buôn lậu, vận chuyển trái phép ma túy qua biên giới.

- Một số nghị định được ban hành nhưng chưa có sự tương thích đối với các văn bản khác, quy định thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu quy định tại các văn bản pháp quy không thống nhất, tại Nghị định 94/1998/NĐ-CP ngày 20/5/1998 và Thông tư 172/1998/TT-BTC thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai. Trong khi đó, nội dung điểm 4c Điều 7 Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 lại quy định chính sách thuế, chính sách quản lý xuất nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cơ quan hải quan luôn gặp khó khăn trong việc xác định phân biệt rõ giữa hành vi vi phạm bị xử lý theo Luật Thuế xuất nhập khẩu và hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt theo Nghị định 138/2004/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính về hải quan năm 2004.

Ngoài ra, cũng cần phải kể đến những hạn chế từ phía các cơ quan thi hành Luật Hải quan và từ phía doanh nghiệp.

- Đối với cơ quan thi hành Luật Hải quan, những hạn chế đó là:

+ Nhiệm vụ của ngành Hải quan nặng nề, tính chất, đặc điểm hoạt động rất phức tạp (chỉ kể đến số thu đã chiếm tới gần 1/3 ngân sách quốc gia) nhưng

từ trước đến nay không phải khi nào và ở đâu vai trò, vị trí của hoạt động hải quan và Tổng cục Hải quan cũng được đánh giá đầy đủ, khách quan, sát với thực tế.

+ Việc tuyên truyền, phổ biến Luật còn nặng nề tính phong trào, bề nổi, hạn chế hiệu quả tại một số đơn vị. Chưa có hệ thống dịch vụ pháp lý đủ mạnh để giúp doanh nghiệp nắm vững pháp luật, xử sự theo pháp luật và trong những trường hợp cần thiết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Một bộ phận cán bộ Hải quan trong đó có cả cán bộ chủ chốt chưa hiểu, chưa nắm bắt đầy đủ các yêu cầu của Luật Hải quan, chưa thật sự làm hết trách nhiệm của mình, cách làm, cách nghĩ chưa theo kịp yêu cầu đổi mới nội dung cải cách thể hiện trong Luật Hải quan. Bên cạnh đó trình độ nhận thức của một bộ phận cán bộ công chức hải quan tại cơ sở còn yếu kém, còn thói quen làm việc đùn đẩy, dựa dẫm, chưa theo kịp yêu cầu cải cách nên cũng làm ảnh hưởng đến việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

+ Về thực hiện thủ tục hải quan vẫn còn tình trạng gây phiền hà xảy ra ở khâu đăng ký tờ khai và kiểm tra hàng hóa, vì hầu như vẫn phải khai thủ công, chưa thực hiện được việc khai hải quan qua mạng, việc chỉ đạo làm thử vấn đề này đạt kết quả chưa cao, cơ sở vật chất, phần mềm máy tính triển khai của cơ quan hải quan chưa đáp ứng được yêu cầu, doanh nghiệp chưa thấy được lợi ích thiết thực của việc khai báo hải quan qua mạng, hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra vẫn chiếm tỷ lệ lớn, trong khi đó lượng cán bộ kiểm hóa mỏng, bộ phận chưa có trình độ chuyên sâu về thương phẩm học, việc kiểm hóa và kiểm tra chống buôn lậu có nơi còn chồng chéo.

Hiện nay việc quyết định hình thức kiểm tra chủ yếu dựa vào tra cứu mức độ vi phạm của doanh nghiệp trên mạng tin học và kinh nghiệm thực tế thực hiện nghiệp vụ hải quan tại cửa khẩu, còn việc thu thập thông tin từ các nguồn thông tin khác rất hạn chế, nhất là việc kiểm tra và so sánh trị giá giao dịch đối với hàng hóa tương tự, giống hệt nhau còn nhiều vướng mắc. Tình hình gian lận của các doanh nghiệp chủ yếu là qua giá, ngoài ra họ cũng có

thể lợi dụng quy định những mặt hàng phải kiểm tra và miễn kiểm tra để gian lận thuế, nhập khẩu hàng cấm...

+ Công tác thu thập và xử lý thông tin, công tác điều tra cơ bản nắm tình hình địa bàn, đối tượng chưa được làm tốt ở tất cả các đơn vị chuyên trách chống buôn lậu. Qua đánh giá kết quả các vụ việc đã phát hiện, bắt giữ thì chủ yếu là thông qua quá trình làm thủ tục hải quan, kiểm hóa mà thiếu sự chủ động trong việc thu thập nguồn tin, điều tra, xác minh, xây dựng phương án đấu tranh và tổ chức bắt giữ. Đây cũng là lý do làm cho chất lượng của các báo cáo nghiệp vụ không cao, không đánh giá đầy đủ, chính xác và cụ thể tình hình.

+ Việc phối hợp công tác giữa các lực lượng Hải quan tại cùng một địa bàn và các lực lượng chống buôn lậu tại địa phương vẫn còn chồng chéo, kém hiệu quả, còn phiền hà cho doanh nghiệp. Việc phối hợp giữa cơ quan hải quan với các ngành chức năng như Ngân hàng, Kho bạc... trong việc trao đổi và cung cấp thông tin liên quan đến việc thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu, xác nhận thuế đã nộp qua Kho bạc còn nhiều bất cập.

+ Việc kiểm tra sau thông quan, quy định về đối tượng chịu sự kiểm tra sau thông quan tại Nghị định số 102 đã không đề cập đến các chủ thể liên quan gián tiếp đến thương mại quốc tế như: Người nhập khẩu ủy thác, đại lý làm thủ tục hải quan, hãng vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, thuế nội địa... Do vậy việc triển khai nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan trong bối cảnh hàng hóa xuất nhập khẩu với lưu lượng lớn, cơ sở vật chất, kỹ thuật thiếu, trình độ cán bộ công chức thực hiện công tác này còn yếu sẽ càng làm cho công tác kiểm tra sau thông quan kém hiệu quả.

+ Quy định "Việc kiểm tra sau thông quan chỉ được tiến hành khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan" là chưa phù hợp với thực tế, trong bối cảnh các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta hiện nay xác định đúng, sai, vi phạm không vi phạm còn chưa đủ và thống nhất.

Việc thu thập dữ liệu, thông tin liên quan đến yêu cầu kiểm tra sau thông quan còn hạn chế, tính tự giác, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu chưa cao. Việc quy định "đối tượng kiểm tra sau thông quan là hàng xuất nhập khẩu được miễn kiểm tra thực tế, kiểm tra xác suất" là chưa đầy đủ, vì tất cả các đối tượng kiểm tra sau thông quan không phụ thuộc vào hình thức kiểm tra đều là đối tượng kiểm tra sau thông quan trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan.

Quy định thời hạn thông báo cho doanh nghiệp phải kiểm tra "chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra" sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp có đủ thời gian cần thiết để đối phó với cơ quan hải quan. Thời hạn kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp của mỗi quyết định kiểm tra tối đa là 5 ngày làm việc là chưa phù hợp với thực tế và chưa tính tới khối lượng công việc một cuộc kiểm tra và thời gian cần thiết để thực hiện công việc đó, vì hàng hóa xuất nhập khẩu đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến yếu tố nước ngoài. Quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm tra còn hạn chế, trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan chưa cụ thể, rất khó khăn trong việc phối hợp, kinh phí phục vụ cho việc kiểm tra, quỹ khen thưởng phối hợp chưa được quy định cụ thể.

Chưa có quy trình nghiệp vụ cụ thể về công tác phúc tập hồ sơ và kiểm tra sau thông quan. Các đơn vị tự xây dựng để thực hiện chỉ được coi là giải pháp tạm thời, thiếu cơ sở pháp lý. Ngoài ra, về mặt tổ chức, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Chi cục Hải quan cửa khẩu có thành lập bộ phận kiểm tra sau thông quan nhưng chưa bố trí cán bộ, hoặc bố trí cán bộ không đủ biên chế, không đủ năng lực trình độ chuyên môn để làm việc.

Tại hầu hết các Chi cục Hải quan, việc phúc tập hồ sơ chưa bảo đảm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan tại doanh nghiệp, hoặc cá biệt còn tình trạng không báo cáo về Cục những trường hợp có dấu

hiệu nghi vấn, do sợ trách nhiệm và ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị. Bộ phận chuyên trách công tác kiểm tra sau thông quan tại các Chi cục Hải quan địa phương chưa được tổ chức và hoạt động đáp ứng yêu cầu kiểm tra sau thông quan.

Ngoài ra, bộ phận chuyên trách công tác kiểm tra sau thông quan tại các Cục Hải quan địa phương chưa được triển khai đồng bộ cho nên công tác kiểm tra sau thông quan vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

- Đối với doanh nghiệp những hạn chế đó là:

+ Một bộ phận các doanh nghiệp chưa nghiên cứu sâu, đầy đủ và hệ thống các quy định mới của Luật Hải quan, vẫn hiểu và thực hiện như trước đây. Nguyên nhân vấn đề này ngoài nguyên nhân chủ quan từ phía các doanh nghiệp thì một phần là do công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước về hải quan cho nhân dân nói chung và các đối tượng là các doanh nghiệp trực tiếp làm thủ tục hải quan nói riêng còn chưa được quan tâm đúng mức hoặc có cũng chỉ mang tính hình thức. Chưa có một cơ chế tư vấn trực tuyến cũng như định kỳ tuyên truyền về pháp luật hải quan, về chính sách thủ tục hải quan cho các đối tượng liên quan để biết và thực hiện.

+ Một số doanh nghiệp xuất nhập khẩu lợi dụng sự thông thoáng và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu để buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế theo các hình thức khác nhau, gây nên sự khó khăn trong công tác giám sát quản lý của hải quan.

Vướng mắc trên chủ yếu là do doanh nghiệp chưa đáp ứng được các tiêu chí chấp hành pháp luật, bên cạnh đó công tác thu thập, xử lý thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp tại các địa phương chưa được thực hiện đầy đủ để phục vụ quyết định thông quan, một số công chức hải quan còn mang tâm lý sợ các doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của Luật Hải quan để làm trái nên có tình trạng kiểm tra tràn lan.

+ Ngoài ra, chưa có một hệ thống các doanh nghiệp làm dịch vụ khai báo hải quan để hỗ trợ cho các doanh nghiệp làm hoạt động xuất nhập khẩu. Theo Luật Doanh nghiệp thì các đối tượng tham gia hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng gia tăng. Thực tế không phải doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu nào cũng có bộ phận chuyên trách nắm sâu về pháp luật thủ tục hải quan nên việc chấp hành các quy định pháp luật về hải quan của các doanh nghiệp đôi khi cũng không đầy đủ, có thể thấy một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý của cơ quan hải quan chính sự thiếu hiểu biết về pháp luật nói chung và pháp luật hải quan nói riêng của các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu. Theo kinh nghiệm của các nước tiên tiến, việc mở rộng loại hình dịch vụ khai báo hải quan sẽ giúp ích không chỉ cho phía doanh nghiệp mà còn tạo rất nhiều sự thuận lợi cho hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, hoạt động đại lý hải quan chuyên nghiệp sẽ tao điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu. Đại lý làm thủ tục hải quan được quy định trong Nghị định số 79/2005/NĐ-CP ngày 16/6/2005 của Chính phủ đóng vai trò quan trọng nhằm tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan, đồng thời với vai trò là cầu nối giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, nhằm đơn giản hóa thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa nhanh chóng.

Theo Nghị định số 79/2005/NĐ-CP ngày 16/6/2005 của Chính phủ, đại lý làm thủ tục hải quan là thương nhân thay mặt người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm của người khai hải quan theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Luật Hải quan và thực hiện các công việc khác về thủ tục hải quan theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đây là lĩnh vực dịch vụ đặc biệt, trong đó tổ chức làm dịch vụ vừa làm thuê cho người sử dụng dịch vụ (doanh nghiệp xuất nhập khẩu) vừa làm một số công việc cơ quan hải quan.

Trong hoạt động xuất nhập khẩu một số doanh nghiệp thường đứng ra nhận làm dịch vụ thủ tục hải quan cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Đây là một khâu trong cả chuỗi dịch vụ giao nhận hàng hóa mà nhiều nước trên thế

giới đã áp dụng. Tại Việt Nam, hoạt động dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (gọi tắt là đại lý thủ tục hải quan) đã được hình thành và tồn tại từ lâu dưới hình thức là chủ hàng tự khai và ủy quyền cho người khác khai Hải quan và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

Theo quy định tại Điều 21 Luật Hải quan và Điều 06 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP thì từ ngày 01/01/2002 có dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan. Tuy nhiên, các quy định trên mới dừng lại ở nguyên tắc, các văn bản chưa phù hợp thông lệ quốc tế và chưa đủ, cụ thể để triển khai thực hiện trên thực tế. Bởi lẽ, chưa có quy định chi tiết, rõ ràng về điều kiện để được làm đại lý thủ tục hải quan, trách nhiệm pháp lý của đại lý thủ tục hải quan đối với chủ hàng cũng như đối với cơ quan hải quan. Chính vì vậy, theo Tổng cục Hải quan, mặc dù Luật Hải quan đã có hiệu lực hơn 03 năm nhưng đội ngũ doanh nghiệp làm thủ tục hải quan chuyên nghiệp theo quy định của Luật Hải quan chưa thực sự đạt được, thực tế còn hình thành ra một số người chuyên chỉ làm việc nộp hồ sơ cho hải quan mà dư luận còn gọi là môi giới thủ tục hải quan.

Trên thực tế hiện nay, ngoài một số ít doanh nghiệp xuất nhập khẩu (trong đó đa số là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài) ủy quyền làm dịch vụ cho người làm đại lý, còn lại hầu hết các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thường tự mình khai báo và làm thủ tục hải quan. Với hệ thống chính sách pháp luật đa dạng thường xuyên được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tế của hoạt động kinh tế và hội nhập quốc tế, việc nắm bắt và hiểu rõ các quy định có liên quan để làm thủ tục hải quan cho đúng là điều không dễ. Trong khi đó các doanh nghiệp xuất nhập khẩu lại không được thường xuyên cập nhật quy định mới, không được thường xuyên tập huấn đào tạo nghiệp vụ hải quan nên thường xảy ra sai sót, vi phạm không đáng có, ảnh hưởng đến thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra khi quá trình hội nhập quốc tế một cách sâu rộng đang cận kề là cần hình thành một đội ngũ đại lý hải quan chuyên

nghiệp, chuyên sâu, làm cầu nối giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác hải quan.

Nghị định 79 trên đây tạo cơ sở pháp lý cụ thể, thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, hiện đại hóa công tác hải quan rõ ràng để triển khai đội ngũ đại lý làm thủ tục hải quan một cách chuyên nghiệp. Đối chiếu với thông lệ quốc tế, Hải quan các nước đều thực hiện chức năng quản lý của mình đối với đại lý thủ tục hải quan. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước, pháp luật của các nước trong việc quản lý loại hình dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đều có quy định là cơ quan hải quan quản lý chặt chẽ, nhân viên đại lý hải quan đều phải trải qua các kỳ thi do Hải quan tổ chức, thậm chí có nước do Hải quan đào tạo, các doanh nghiệp hoạt động đại lý đều phải được Hải quan chấp nhận...

Việc hình thành đội ngũ đại lý hải quan được đề cập trong Nghị định 79 sẽ đạt được những lợi ích sau: *Thứ nhất*, sẽ giảm chi phí cho các doanh nghiệp đối với việc làm thủ tục hải quan, bởi lẽ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sẽ sử dụng dịch vụ từ người làm đại lý mà không phải duy trì một một đội ngũ Hải quan như hiện nay. *Thứ hai*, với đội ngũ chuyên nghiệp, tinh thông về nghiệp vụ, các doanh nghiệp đại lý sẽ hạn chế được những sai sót,vi phạm do sự thiếu hiểu biết và thiếu chuyên nghiệp của nhân viên các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Từ đó quá trình làm thủ tục hải quan sẽ dễ dàng, thuận lợi, nhanh chóng hơn, đặc biệt là đáp ứng được yêu cầu hội nhập theo tiêu chuẩn của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). *Thứ ba*, việc triển khai đội ngũ làm thủ tục hải quan sẽ thuận lợi cho cả cơ quan hải quan và doanh nghiệp để cải cách hành chính, hiện đại hóa, tự động hóa thủ tục hải quan. Thực tế cho thấy, không thể kết nối để tiến tới thông quan điện tử với khoảng 20.000 doanh nghiệp xuất nhập khẩu, vì chi phí đầu tư nối mạng trao đổi dữ liệu điện tử để thực hiện thủ tục hải quan điện tử là rất lớn, bản thân các doanh nghiệp xuất

nhập khẩu cũng không mấy mặn mà. Nếu triển khai hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan thì cơ quan hải quan sẽ thuận lợi khi triển khai hiện đại hóa doanh nghiệp xuất nhập khẩu sẽ được áp dụng biện pháp quản lý hải quan tiên tiến, giảm bớt giấy tờ và thời gian thông quan. *Thứ tư*, với vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với Hải quan, đội ngũ làm đại lý sẽ hạn chế tiêu cực do nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu không tiếp xúc với công chức hải quan trong các khâu nghiệp vụ.

Về nội dung của Nghị định 79: Trước hết đã phân định rõ ràng đại lý làm thủ tục hải quan với người nước ngoài được chủ hàng ủy quyền như hiện nay. Đây là mong muốn của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm gắn trách nhiệm của đại lý khi làm dịch vụ thủ tục hải quan. Thực tế thời gian qua, người được chủ hàng ủy quyền thì căn cứ vào văn bản ủy quyền để làm thủ tục hải quan, không ký tên đóng dấu trên tờ khai hải quan mà do chính chủ hàng ký và đóng dấu. Do không quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đại lý và doanh nghiệp xuất nhập khẩu nên khi xảy ra sai sót, vi phạm hai bên thường đổ lỗi cho nhau, thường thì người làm dịch vụ không chịu trách nhiệm. Theo Nghị định 79, đại lý hải quan khi làm thủ tục hải quan nhân danh mình để khai, ký tên và đóng dấu trên tờ khai hải quan và chịu trách nhiệm về khai không đúng những thông tin và chứng từ liên quan do chủ hàng cung cấp.

Một trong những yêu cầu quan trọng nhất là đại lý làm thủ tục hải quan phải có trình độ về nghiệp vụ hải quan, nắm vững chế độ chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Để làm rõ nội dung người đại lý hải quan phải hiểu biết pháp luật hải quan, nghiệp vụ khai hải quan (quy định tại khoản 1, Điều 21 Luật Hải quan), Nghị định đã quy định một trong những điều kiện làm đại lý hải quan là có ít nhất một nhân viên đại lý hải quan là người đã được đào tạo về nghiệp vụ hải quan và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, nhân viên này sẽ được cấp thẻ nhân viên đại lý hải quan để xuất trình cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan.

Nghị định cũng quy định rõ trình tự đăng ký hoạt động đại lý thủ tục hải quan, bao gồm: Thương nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu hoặc dịch vụ khai thuê hải quan theo Luật Doanh nghiệp, trước khi triển khai hoạt động thì phải nộp một số chứng từ cho cơ quan hải quan.

Để khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động đại lý hải quan, Nghị định cũng quy định cơ quan hải quan hỗ trợ miễn phí cho Đại lý Hải quan trong một số lĩnh vực, trong đó có việc hỗ trợ kỹ thuật trong việc kết nối mạng giữa đại lý hải quan với cơ quan hải quan.

Trong Nghị định cũng quy định những trường hợp Tổng cục Hải quan đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định dừng hoạt động của đại lý hải quan và trường hợp Tổng cục Hải quan quyết định tạm dừng hoạt động của địa lý thủ tục hải quan, quyết định thu hồi thẻ nhân viên đại lý hải quan.

Như vậy với những quy định rõ ràng cụ thể tại Nghị định 79 đại lý hải quan phải thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để làm tốt công việc đã được chủ hàng ký kết hợp đồng, qua đó tạo được uy tín và thương hiệu cho mình thu hút được khách hàng. Nếu làm tốt đại lý hải quan cũng sẽ được cơ quan hải quan ghi nhận và giành những điều kiện thuận lợi khi làm thủ tục hải quan. Đối với chủ hàng thì cũng yên tâm khi ký hợp đồng với đại lý hải quan từ đó có thể giảm thời gian thông quan, giảm chi phí.

Việc ra đời Nghị định trên nhằm đảm bảo mục tiêu xây dựng đội ngũ đại lý thực sự có chất lượng. Những quy định trên sẽ có tác dụng gián tiếp xác nhận uy tín, độ tin cậy của đại lý để các doanh nghiệp xuất nhập khẩu yên tâm khi sử dụng dịch vụ từ đó thu hút thêm khách hàng, các doanh nghiệp đại lý nên thấy rõ điều này để chuẩn bị cơ sở vật chất, đầu tư nguồn nhân lực và đào tạo nhân viên để có thể tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng kinh doanh loại hình này.

Hiện nay các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cũng như doanh nghiệp đại lý đang sẵn sàng đón nhận các quy định trên để áp dụng trên thực tế.

Tóm lại, cùng với những đổi mới về kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật hải quan đã có nhiều tiến bộ, phù hợp với cam kết quốc tế có liên quan, bám sát vào thực tế cuộc sống để tháo gỡ những vấn đề nổi cộm của công cuộc đổi mới. Tuy nhiên pháp luật hải quan vẫn chưa đáp ứng kịp thời những yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển kinh tế mở cửa, hội nhập trong thời kỳ mới; vẫn còn hạn chế cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu bức xúc cần tháo gỡ, nhằm xây dựng pháp luật hải quan hoàn thiện hơn và có tính khả thi cao hơn cho phù hợp với các cam kết quốc tế có liên quan, phục vụ cho việc phát huy tiềm năng, sức mạnh của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 thực hiện đánh giá thực trạng pháp luật hải quan và pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, như chương 1 đã phân tích, do các quy định của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có nguồn từ rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau nên Chương 2 chỉ tập trung đánh giá thực trạng Luật Hải quan và thực trạng các văn bản quy định cụ thể, hướng dẫn thực hiện đạo luật quan trọng này, chủ yếu về hai nội dung:

- Thực trạng các quy định về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Thực trạng các quy định trong quản lý nhà nước của ngành Hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

Việc đánh giá thực trạng các quy định về hai nội dung trên được luận văn thực hiện trên cơ sở các tiêu chí hoàn thiện được luận chứng tại chương 1, trong đó đặc biệt chú ý so sánh đối chiếu với các điều ước quốc tế mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam ký kết, tham gia và pháp luật hải quan các nước khu vực, pháp luật của Tổ chức Hải quan thế giới.

Chương 3

YÊU CẦU KHÁCH QUAN VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

3.1. YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

3.1.1. Do yêu cầu thể chế hóa chủ trương của Đảng về tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa ngành Hải quan Việt Nam

Cùng với sự đổi mới và phát triển nền kinh tế của đất nước, cải cách thủ tục hải quan là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước tạo tiền đề cho việc xây dựng hải quan hiện đại phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phát triển theo hướng toàn cầu hóa, có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy ngành Hải quan nâng cao tính chuyên nghiệp hóa và kỹ năng hoạt động của mình cho phù hợp với quản lý hải quan hiện đại. Vì thế các nhiệm vụ, yêu cầu về cải cách thủ tục hải quan có ý nghĩa rất quan trọng đối với các lĩnh vực kinh tế, an ninh, xã hội, với 60 năm xây dựng và trưởng thành, cơ cấu tổ chức ngành Hải quan được phân làm ba cấp: Tổng cục Hải quan; Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Chi cục Hải quan cửa khẩu), đội ngũ cán bộ công chức hải quan ngày càng trưởng thành cả về số lượng lẫn trình độ năng lực trong hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, có đầy đủ khả năng đáp ứng yêu cầu cải cách và hiện đại hóa hải quan. Yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Cải cách, phát triển ngành Hải quan theo hướng hiện đại hóa vừa mang tính toàn diện, thống nhất bao gồm: cải cách về tổ chức bộ máy, cải cách về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, cải cách để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức hải quan, cải cách phải tạo ra những chuyển biến căn bản về tác phong, lề lối làm việc và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành hải quan để đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế đất nước nói chung và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp nói riêng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Cải cách thủ tục hải quan phải đảm bảo tính ổn định, không gây xáo trộn, quá trình cải cách phải lựa chọn các bước đi thích hợp, có phương pháp, lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước... Yêu cầu đặt ra là vừa phải tổ chức thực hiện những nhiệm vụ được nhà nước giao một cách thường xuyên, hiệu quả, vừa thực hiện cải cách vững chắc nhằm tạo bước chuyển biến căn bản trên các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ hải quan, nhất là cải cách mạnh mẽ thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; tạo điều kiện đơn giản hóa, công khai, minh bạch đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa [18].

3.1.2. Do yêu cầu hiện đại hóa hải quan phục vụ quản lý doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Ngày nay trên thế giới những thay đổi hàng ngày, hàng giờ không chỉ ở đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, hết sức phức tạp đòi hỏi phải có sự hợp tác thống nhất giữa các quốc gia trong các hoạt động hải quan, như tiêu chuẩn pháp lý, tiêu chuẩn về các loại hình nghiệp vụ hải quan, các biện pháp phối hợp phòng, chống buôn bán các chất ma túy, vũ khí, rửa tiền, vi phạm bản quyền... cho nên hiện đại hóa hải quan không chỉ là vấn đề đặt ra ở các quốc gia khác trên thế giới, mà là vấn đề hết sức cần quan tâm ngay ở Việt Nam. Hiện đại hóa hải quan cần phải hiểu một cách thống nhất, đó là cần phải thực hiện đại hóa tất cả các yếu tố cấu thành và bảo đảm cho hoạt động hải quan,

gồm: i) là hệ thống pháp luật; ii) bộ máy hải quan; iii) công nghệ kỹ năng nghiệp vụ, trang thiết bị... đây là ba bộ phận quan trọng cốt lõi của nội dung hiện đại hóa hải quan.

- Hiện đại hóa bộ máy hải quan trong đó phải tiếp tục tích cực việc cải cách bộ máy hải quan các cấp, bảo đảm tinh gọn, hoạt động có hiệu quả trong đó phải hết sức chú trọng đến yếu tố trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức hải quan.

- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị cho các hoạt động hải quan, đây là một trong những yếu theo phương châm "giảm tiền kiểm, tăng hậu kiểm" Phương pháp quản lý hải quan hiện đại: Phương pháp quản lý rủi ro, chỉ có thể áp dụng thành công, có hiệu lực thực tế, khi Hải quan được trang bị những thiết bị kiểm tra có công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng cường, đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu về các đối tượng, cá nhân có liên quan trực tiếp đến các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh; thiết lập mạng thông tin giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các nước thuộc Tổ chức Hải quan thế giới; thiết lập mạng thông tin giữa các cấp Hải quan với các cơ quan nhà nước hữu quan (Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Quản lý thị trường, Thuế nội địa, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm dịch động vật, thực vật qua biên giới) đây là các cơ quan có thể cung cấp, trao đổi các thông tin liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, điều quan trọng góp phần vào các quyết định thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, cũng như cơ sở thực tế của quy định áp dụng các tỷ lệ phần trăm kiểm tra thực tế hàng hóa.

Trong những năm qua việc hiện đại hóa hải quan đã đạt được một số mặt sau:

- Về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Hải quan:

Từ những năm 1990, tại cơ quan Tổng cục Hải quan máy tính điện tử đã được sử dụng để theo dõi và quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của tổ chức,

cá nhân, quản lý số lượng xe máy, đầu máy video, ô tô và một số mặt hàng nhập khẩu có điều kiện thông qua con đường nhập khẩu phi mậu dịch..., quản lý người nhập cảnh, số lần, thời gian nhập cảnh để xác định đối tượng được miễn thuế hay phải nộp thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Từ năm 1992 đến nay 1996 dự án tin học hóa quy trình nghiệp vụ hải quan (ASYCUDA/SYDONIA), mang mã số VIE/91/007 do Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chương trình phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) tài trợ cho Hải quan Việt Nam đã được triển khai thực hiện. Mục tiêu của dự án là sử dụng hệ thống máy vi tính thực hiện một số khâu công việc chủ yếu trong quy trình nghiệp vụ hải quan đang thực hiện bằng thủ công như: Quản lý lược khai hàng hóa (manifest); đăng ký hồ sơ làm thủ tục hải quan, phân loại hồ sơ, phân công kiểm hóa, tính thuế, ra thông báo thuế, thực hiện một số báo cáo thống kê về hàng hóa xuất nhập khẩu... Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan mục tiêu của dự án đã không thực hiện được như mong đợi. Tuy nhiên phải khẳng định, dự án là bước tập dượt quan trọng để ngành Hải quan Việt Nam tiếp cận với quy trình thủ tục hải quan hiện đại. Thông qua việc triển khai thực hiện dự án, nhiều cán bộ, công chức hải quan đã được đào tạo về kỹ thuật quản lý hải quan mới, với nhiều nội dung chuyên môn về hải quan lần đầu tiên được giới thiệu tại Việt Nam, như hệ thống tự động hóa hải quan, Hiệp định trị giá GATT, Công ước HS, khai báo qua mạng...

Trong giai đoạn từ 1996-2000, toàn ngành đã trang bị khoảng hơn 1000 máy vi tính với 60 mạng cục bộ (LAN). Trong giai đoạn này, việc đầu tư kinh phí để phát triển còn hạn hẹp, chủ yếu chỉ là phần kinh phí thường xuyên hàng năm nên không thể tập trung giải quyết những vấn đề lớn mang tính đồng bộ. Hầu hết các hệ thống tin học ứng dụng được thiết kế xây dựng từ những năm 1996-2000 theo từng nghiệp vụ độc lập. Về cơ bản, các hệ thống này đều vận hành sau quy trình thủ tục hải quan, có nghĩa là xử lý các giao dịch trong quy trình thủ tục hải quan thì dữ liệu được cập nhật để quản lý. Một số hệ thống tin học ứng dụng đã triển khai thực hiện trong ngành Hải quan gồm:

+ *Hệ thống quản lý đăng ký tờ khai hải quan*: Các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan sau khi được tiếp nhận, kiểm tra nếu được chấp nhận đăng ký sẽ được cập nhật vào máy tính của cơ quan hải quan. Hệ thống sẽ kiểm tra các chỉ tiêu khai báo nếu hợp lệ sẽ cấp số tờ khai và đưa vào lưu trữ, hệ thống đã triển khai toàn ngành Hải quan, thực hiện quản lý tất cả các tờ khai hải quan, xử lý khai thác dữ liệu tờ khai, phân tích số liệu phục vụ việc lập các báo cáo thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu và nhiều mục tiêu khác.

+ *Hệ thống quản lý và theo dõi nợ thuế và kế toán hải quan*: Tại các cửa khẩu, địa điểm làm thủ tục hải quan, hệ thống tiếp nhận số liệu được cập nhật từ khâu đăng ký tờ khai, thực hiện các chức năng tính thuế, ra thông báo thuế, cập nhật biên lai nộp thuế, ra quyết định phạt, cập nhật các chứng từ điều chỉnh thuế, theo dõi tình hình nợ thuế của doanh nghiệp, tổng hợp danh sách cưỡng chế...hệ thống đã góp phần đắc lực phục vụ công tác quản lý theo dõi nợ đọng thuế và kế toán thuế cho nhiều Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

+ *Hệ thống thông tin vi phạm pháp luật hải quan*: Hệ thống này được xây dựng để thực hiện Điều 29 Luật Hải quan nhằm cung cấp thông tin về đối tượng xuất - nhập khẩu, là căn cứ quan trọng giúp cho lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu quyết định hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập khẩu để thông quan. Hệ thống cho phép cập nhật, thu thập, quản lý và theo dõi các thông tin về quá trình chấp hành Luật đối với các đối tượng tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

+ *Hệ thống quản lý hàng gia công*: Hệ thống cập nhật và quản lý các hợp đồng gia công, các phụ kiện, nguyên liệu nhập khẩu, định mức, sản phẩm gia công, các phiếu chuyển tiếp và thông báo chuyển tiếp... giúp cho cán bộ Hải quan quản lý và thanh khoản nhanh chóng các hợp đồng gia công trên hệ thống máy tính.

+ *Hệ thống thông tin dữ liệu giá tính thuế*: Hệ thống cho phép quản lý, thu thập các thông tin chi tiết về hàng hóa, đặc biệt là những thông tin liên

quan đến việc xác định trị giá của hàng hóa để xây dựng một ngân hàng dữ liệu về giá tính thuế phục vụ cho yêu cầu tính thuế và kiểm tra trị giá tính thuế. Hiệp định giá trị GATT tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu.

+ *Hệ thống thông tin thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu:* Với việc đưa vào sử dụng các hệ thống tin học trong công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu đã có nhiều điều kiện củng cố và phát triển. Số liệu thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu được thu thập, tổng hợp và xử lý bằng hệ thống máy tính ngày càng phong phú, chi tiết, lại được thực hiện nhanh chóng, đầy đủ với độ tin cậy cao.

+ *Hệ thống đăng ký mã số đối tượng xuất nhập khẩu:* Theo quy định chung mọi thương nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu đều phải đăng ký mã số đối tượng xuất nhập khẩu với cơ quan hải quan. Hệ thống cho phép theo dõi, quản lý thống nhất các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong phạm vi toàn quốc. Hệ thống này đã được kết nội với hệ thống quản lý đối tượng nộp thuế của Bộ Tài chính để kiểm tra chéo, bảo đảm tính chính xác, hợp lệ của thông tin.

Dự án tin học hóa quy trình nghiệp vụ hải quan giai đoạn 2001-2005 đã được Chính phủ phê duyệt. Năm 2003 Bộ Tài chính đã có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo dự án do một Thứ trưởng là Trưởng ban và các thành viên là đại diện lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan. Tổng cục Hải quan hiện nay đã và đang tích cực triển khai thực hiện dự án này theo các lộ trình cụ thể:

Trang thông tin điện tử (Website) Hải quan trên mạng Internet khai trương tháng 6/2001. Thời gian qua việc cung cấp và cập nhật thông tin đưa lên Website được duy trì thường xuyên song vẫn còn hạn chế, trong thời gian tới Website Hải quan (cả hai ngoại ngữ Anh-Việt) cần được đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức để thực sự trở thành địa chỉ tin cậy và hữu ích cho mọi người, nhất là các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy mức độ đầu tư và kết quả đạt được trong lĩnh vực này là chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, thể hiện ra là:

- Có tính chất cục bộ, khả năng kết nối, trao đổi thông tin giữa các đầu mối quan trọng chưa được thiết lập, hoặc đã có thì còn hạn chế và không bảo đảm ổn định, an toàn về mặt thông tin.

- Kết nối mạng diện rộng (VAN) chưa được nhiều, chưa có bức tường lửa (fire wall) để bảo vệ mạng và an toàn dữ liệu, chưa có hỗ trợ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), chưa có chuẩn chung cho toàn mạng.

- Trừ một số ít khâu trong công tác nghiệp vụ hải quan được tin học hóa (như đã nêu ở trên) vẫn còn nhiều khâu trong quy trình thủ tục hải quan vẫn phải thực hiện theo phương thức thủ công truyền thống nên hạn chế hiệu quả chung và của ngay cả đối với những khâu đã được tin học hóa.

- Các hệ thống tin học hóa triển khai chưa được đồng bộ và thống nhất trong quy trình thủ tục hải quan tại các đơn vị. Nguyên nhân là do sự chỉ đạo phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong ngành chưa tốt. Chủ trương chỉ đạo của các lãnh đạo Tổng cục chưa được cụ thể hóa thành các biện pháp điều hành, quy chế và quy trình cụ thể trong các khâu nghiệp vụ. Mặt khác, do quy trình nghiệp vụ chủ yếu được xây dựng phục vụ cho quy trình xử lý thủ công và chưa được nghiên cứu ban hành cho quy trình xử lý trên các hệ thống tin học hóa. Lãnh đạo nhiều cấp còn chưa nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của công tác này để quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện phát triển.

- Thiếu môi trường pháp lý mới bảo đảm cải cách quy trình thủ tục thuận lợi cho thực hiện ứng dụng tin học. Môi trường pháp lý và hành chính hải quan đang thay đổi phù hợp thông lệ quốc tế, đi đến thống nhất và ổn định là điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả. Thiếu cơ sở pháp lý cho các loại chứng từ điện tử được in ra từ hệ thống tin học của Hải quan, nên các tổ chức cá nhân chưa hứng thú trong việc sử dụng chương trình. Mặt khác, hiện vẫn chưa có văn bản pháp quy cần thiết quy định việc

kết nối giữa hệ thống công nghệ thông tin của Hải quan với hệ thống công nghệ thông tin của các cơ sở của Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng, các đại lý làm thủ tục hải quan, các hãng vận tải, các doanh nghiệp có liên quan.

- Một trong những khó khăn triển khai đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, đó là vẫn còn có một số quy định từ các Bộ, ngành (Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Thương mại...) chưa tạo thuận lợi cho việc xây dựng một hạ tầng công nghệ thông tin gắn kết với nhau. Một số quy định của một số Bộ, cơ quan nhà nước có liên quan làm cho quy trình thủ tục hải quan thêm phức tạp, làm cản trở việc áp dụng các loại mẫu biểu và thủ tục hải quan phù hợp với thông lệ quốc tế mà Việt Nam đã cam kết. Một số chính sách của Việt Nam đã thay đổi, buộc thường xuyên phải sửa đổi các ứng dụng công nghệ thông tin, việc này là rất khó khăn trong việc xây dựng phần mềm.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực này còn yếu và thiếu, nhất là tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, chưa có chính sách khuyến khích phù hợp với đội ngũ này để khơi dậy tiềm năng, phát huy sức lao động sáng tạo. Đối với đội ngũ cán bộ nghiệp vụ còn có tư tưởng tránh né trong việc sử dụng công cụ kỹ thuật được trang bị, chưa được đào tạo tốt để vận hành hệ thống máy móc và chương trình.

3.1.3. Do yêu cầu tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập kinh tế khu vực, thế giới, chuẩn bị Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), vấn đề hiện đại hóa thủ tục hải quan là tất yếu nhằm thực hiện quản lý nhà nước về hải quan theo phương pháp hiện đại, trong đó thủ tục hải quan điện tử bắt đầu được triển khai tại Hải quan một số tỉnh, thành phố lớn (thành phố Hải phòng, Thành phố Hồ chí Minh...) tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa phát triển, đồng thời tiếp cận với phương thức quản lý hải quan hiện đại, được doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu đồng tình.

Theo quy định hiện nay thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được phân luồng như sau:

- Hàng hóa xuất nhập khẩu được phân vào ba luồng xanh, vàng và đỏ:

+ Khi nhận được thông tin khai hải quan điện tử của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích thông tin và các tiêu chí kiểm tra theo quy định, cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra và chấp nhận thông tin khai hải quan điện tử hoặc thông báo từ chối chấp nhận có nêu rõ lý do thông qua hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử.

+ Trường hợp chấp nhận thông tin khai điện tử thì cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau: 1- chấp nhận thông quan trên cơ sở thông tin khai hải quan điện tử (luồng xanh); 2- kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan trước khi thông quan hàng hóa (luồng vàng); 3- kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa trước khi thông quan hàng hóa (luồng đỏ).

+ Cơ quan hải quan gửi thông báo hướng dẫn làm thủ tục hải quan điện tử cho doanh nghiệp.

- Nguyên tắc phân luồng:

1. Cơ quan hải quan chấp nhận thông quan trên cơ sở thông tin khai hải quan điện tử (luồng xanh) đối với các trường hợp sau:

+ *Đối với hàng xuất khẩu nếu đủ một trong các điều kiện sau:* 1- hàng xuất khẩu (trừ hàng xuất khẩu từ nguyên liệu nhập khẩu); 2- hàng hóa xuất khẩu có điều kiện nhưng đã nộp văn bản cho phép cho cơ quan hải quan.

+ *Hàng hóa của các doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt pháp luật hải quan, nếu có đủ hai điều kiện sau:* 1- hàng hóa không thuộc danh mục cấm xuất nhập khẩu, danh mục xuất nhập khẩu có điều kiện hoặc phải giám định, phân tích, phân loại, hàng hóa thuộc danh mục nhưng đã nộp xuất

trình văn bản cho phép cho cơ quan hải quan theo quy định; 2- hàng hóa thuộc diện không phải nộp thuế ngay.

+ Hàng hóa thuộc các trường hợp đặc biệt khác do Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ Hải quan trước khi thông quan hàng hóa (luồng vàng) đối với các trường hợp sau:

+ Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất, nhập khẩu, danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có điều kiện, hàng hóa phải giám định, phân tích phân loại nhưng chưa nộp văn bản cho phép cho cơ quan hải quan.

+ Hàng hóa thuộc diện phải nộp thuế ngay.

+ Hàng hóa thuộc diện phân vào luồng xanh nhưng phát hiện có nghi vấn về hồ sơ Hải quan.

3. Kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa trước khi thông quan hàng hóa (luồng đỏ) đối với các trường hợp sau:

+ Hàng hóa xuất nhập khẩu của chủ hàng đã nhiều lần vi phạm pháp luật về hải quan.

Hàng hóa không thuộc phân vào luồng xanh, luồng vàng trên đây, căn cứ vào kết quả thu thập, phân tích thông tin quản lý rủi ro từ cơ sở dữ liệu, từ trinh sát Hải quan, từ cơ quan, tổ chức, cá nhân và Hải quan các nước mà xác định có khả năng vi phạm pháp luật về Hải quan phải kiểm tra thực tế hàng hóa.

4. Hàng hóa thuộc diện phân vào luồng xanh, luồng vàng nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về Hải quan thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan điện tử ra quyết định chuyển luồng thích hợp.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định tiêu chí phân luồng cấp toàn ngành, Cục trưởng Cục Hải quan nơi có Chi cục Hải quan điện tử quyết định tiêu chí phân luồng trên địa bàn quản lý của đơn vị.

Tóm lại: Mức độ hiện đại hóa hoạt động hải quan chưa theo kịp được yêu cầu thi hành Luật, đặc biệt là việc thay đổi phương thức quản lý, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro hạn chế kiểm tra tại cửa khẩu kết hợp với kiểm tra sau thông quan... Mức độ đầu tư trước đây cho ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, cho nên Cục Hải quan các tỉnh, thành phố còn thiếu máy móc thiết bị, thiếu hệ thống máy vi tính đồng bộ và hiện đại, các phần mềm còn thiếu và chưa thống nhất giữa các Cục Hải quan với nhau, cán bộ công chức sử dụng công nghệ thông tin còn thiếu và yếu về trình độ tin học. Máy móc phục vụ cho việc kiểm tra thực tế hàng hóa còn thiếu.

3.1.4. Do yêu cầu hội nhập Hải quan khu vực và thế giới

Nhằm thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến Hải quan đòi hỏi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động hải quan mà quan trọng nhất là Luật Hải quan, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành phải nội luật hóa từng bước các cam kết quốc tế.

- Trong khuôn khổ WTO các cam kết liên quan đến hải quan chủ yếu trong lĩnh vực thuế quan, tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế thông qua quá trình đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan theo các chuẩn mực của hải quan quốc tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức này.

- Trong khuôn khổ ASEAN trên cơ sở các quy định trong các công ước quốc tế về hải quan hoặc liên quan đến hải quan của WCO (Tổ chức Hải quan thế giới) và các tổ chức quốc tế khác kết hợp với các mục tiêu cơ bản trong khuôn khổ ASEAN thể hiện qua các văn kiện: Hiệp định Hải quan ASEAN (có hiệu lực từ tháng 03/1997); Hiệp định về chương trình thuế quan ưu đãi (CEPT) ký ngày 28/01/1992 tại Singapore; Hiệp định quá cảnh ASEAN có hiệu lực từ năm 1998.

- Trong khuôn khổ AFEC tiểu ban thủ tục hải quan của AFEC bắt đầu việc thực hiện xây dựng các cam kết nhằm hài hòa các thủ tục hải quan giữa

các nền kinh tế dựa trên các chuẩn mực của WCO với xuất phát điểm là những mục tiêu cụ thể về thời điểm thực hiện các chương trình về nghiệp vụ hải quan thể hiện trong kế hoạch hành động Manila năm 1996.

- Trong khuôn khổ ASEM hướng trọng tâm vào việc hợp tác chống gian lận thương mại và buôn lậu.

- Trong khuôn khổ các quan hệ song phương, Việt Nam đã ký kết gần 80 Hiệp định thương mại song phương với các nước, trong đó có Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ với nhiều cam kết liên quan đến hải quan như: Phải thực hiện xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT/WTO, Hiệp định phân loại hàng hóa theo công ước HS, thực thi các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Các cam kết trên đều nằm trong các cam kết theo yêu cầu gia nhập WTO mà hiện nay ngành Hải quan đang tích cực chuẩn bị triển khai.

Với đặc thù hoạt động gắn liền với quan hệ giao lưu quốc tế, xuất nhập khẩu, đầu tư, du lịch, và là một trong số rất ít những ngành nghề có tổ chức hợp tác quốc tế chặt chẽ, hiệu quả (tổ chức Hội đồng hợp tác hải quan, nay là Tổ chức Hải quan thế giới - WCO) ngành Hải quan đã có những bước đi hội nhập thế giới và khu vực từ rất sớm. Từ 1991 đến 1997, Hải quan Việt Nam đã lần lượt ký kết các thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ nghiệp vụ với hải quan các nước Pháp, Anh, Philippin, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Ôxtrâylia, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hải quan các nước trong ASEAN và Hải quan Đài Loan... Năm 1993, Hải quan Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hội đồng hợp tác hải quan quốc tế (CCC) nay là Tổ chức Hải quan thế giới (WCO). Sự kiện này có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của Hải quan Việt Nam, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho Hải quan Việt Nam hòa nhập vào cộng đồng hải quan quốc tế, nhận được sự trợ giúp kỹ thuật và có điều kiện học hỏi, cải cách vươn lên để ngang tầm Hải quan các nước tiên tiến.

Năm 1995 khi Việt Nam chính thức ra nhập ASEAN thì Hải quan là một trong những ngành sớm nhất gia nhập một tổ chức nội khối của ASEAN, đó là Tổ chức Hải quan ASEAN và chỉ mấy tháng sau khi gia nhập tổ chức này, Hải quan Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công hội nghị Tổng Cục trưởng Hải quan các nước ASEAN. Đây là hội nghị có tầm khu vực đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam kể từ khi Việt Nam ra nhập ASEAN. Trong mấy năm gần đây Hải quan Việt Nam đã tham gia mạnh mẽ vào hai lĩnh vực hợp tác chính về hải quan trong APEC là chứng nhận hợp chuẩn (SCSC) và thủ tục hải quan (SCCP), tham gia hội nghị Hải quan các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đăng cai tổ chức thành công hai hội thảo khu vực của WCO về hai lĩnh vực nghiệp vụ mới: "Hài hòa các quy tắc xuất xứ không ưu đãi" và "Đánh giá rủi ro"; tham gia Công ước HS, Công ước KYOTO và nhiều chương trình, hiệp định, công ước của hải quan khu vực và thế giới.

Chính việc hội nhập sớm vào khu vực và thế giới đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hải quan Việt Nam đẩy mạnh cải cách thủ tục hải quan và từng bước hiện đại hóa hoạt động của mình nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới nền kinh tế và phục vụ tốt cho phát triển xuất nhập khẩu, đầu tư, du lịch... Đặc biệt từ năm 1994 trở lại đây, ngành Hải quan được đánh giá là đã cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, trước hết là thủ tục hải quan, được Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp, đông đảo nhân dân và khách quốc tế ghi nhận. Cải cách hành chính của ngành Hải quan xuất phát từ nhu cầu hội nhập của nền kinh tế đất nước, và chính sự hội nhập quốc tế tích cực, nhanh chóng của ngành Hải quan đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải cách thủ tục hải quan nhất là tạo điều kiện thông quan hàng hóa nhanh chóng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

3.1.5. Từ thực trạng quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Tương tự như nhiều lĩnh vực khác của quản lý nhà nước nói chung, lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan và quản lý nhà nước về hải quan đối với

doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng, pháp luật đã và đang sẽ được sử dụng như là một công cụ chủ yếu nhất, là chuẩn mực để tiến hành các hoạt động hải quan nhằm đảm bảo hoàn thành được các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị và kinh tế mà Đảng và Nhà nước giao cho ngành Hải quan trong nhiều năm qua.

Trên lĩnh vực hải quan nhất là trong thời kỳ đổi mới với chủ trương "quản lý đất nước bằng pháp luật chứ không chỉ bằng đạo lý" pháp luật hải quan đã có sự phát triển nhanh chóng, trong đó Luật Hải quan trở thành cơ sở pháp lý quan trọng quản lý nhà nước trong hoạt động hải quan ở thời điểm hiện nay và những năm tới. Hải quan Việt Nam chỉ có thể thực thi được nhiệm vụ, quyền hạn của mình trên thực tế khi mà pháp luật được xác lập và ghi nhận các thẩm quyền này, bảo đảm cho việc tổ chức thực thi trong hoạt động hải quan không bị cản trở, không bị lợi dụng và nhất là không bị lạm quyền, vượt quyền...

Như vậy, có thể nói rằng, từ chỗ quản lý nhà nước về hải quan chỉ sử dụng pháp luật dưới hình thức văn bản dưới luật kể cả sử dụng các văn bản hành chính, cho đến nay đã chủ yếu bằng các luật, trong đó Luật Hải quan là hình thức văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh quản lý nhà nước lĩnh vực hải quan đã được ban hành năm 2001. Pháp luật hải quan trong hoạt động quản lý nhà nước về hải quan trong những năm qua đã và đang đóng vai trò quan trọng, đảm bảo cho ngành Hải quan không những chỉ hoàn thành nhiệm vụ mà còn vượt mức các chỉ tiêu về thu nộp thuế Hải quan mà Nhà nước giao. Hiệu quả, vai trò của pháp luật hải quan có thể thấy rõ trong những năm qua, nhất là từ khi Luật Hải quan có hiệu lực thi hành.

Để pháp luật hải quan tiếp tục đảm bảo góp phần được nhiệm vụ, mục tiêu quản lý nhà nước lĩnh vực hải quan, cần phải tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế pháp luật hải quan, trong đó tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn Luật Hải quan; sửa đổi, bổ sung, ban

hành mới các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan mà Hải quan Việt Nam phải có trách nhiệm tổ chức thi hành trong các hoạt động hải quan, tạo ra sự thống nhất, đồng bộ về các tiêu chuẩn pháp lý.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan theo các hướng trên tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; sau 03 năm thực hiện Luật Hải quan (có hiệu lực từ ngày 1/1/2002) đã phát huy hiệu quả tích cực, được Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có liên quan đánh giá là đã tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giữ gìn an ninh, thu hút đầu tư và tăng cường hội nhập quốc tế.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện Luật Hải quan

Như trên đã phân tích Luật Hải quan được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý căn bản cho quản lý nhà nước về hải quan, trong đó có quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Cụ thể là với các quy định của Luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản quy định cụ thể, chi tiết về thủ tục hải quan theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, giảm thời gian làm thủ tục, giảm chi phí phát sinh về thủ tục cho hàng hóa xuất nhập khẩu. Hầu hết hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan trong ngày; hàng hóa phải chờ các thủ tục khác giảm bớt, hạn chế ùn tắc tại cửa khẩu. Ngoài việc tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu, năng suất làm việc của cơ quan hải quan cũng được tăng lên, thể hiện qua thống kê khối lượng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng tăng (bình quân hàng năm tăng khoảng 23%; năm 2004 đạt 57,5 tỷ USD gần gấp 2 lần so với năm 2001 là năm ban hành Luật Hải quan, góp phần tăng kim ngạch xuất nhập khẩu (kèm theo Phụ lục số 1), trong khi

biên chế và nguồn lực đầu tư tăng không đáng kể, mặt khác Luật đã xác định phạm vi trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong quản lý nhà nước về hải quan, tăng cường thu đúng, thu đủ đồng thời đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu sắc và toàn diện với kinh tế thế giới, Luật đã quy định một số nguyên tắc để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đề xuất gia nhập hoặc triển khai áp dụng các điều ước quốc tế quan trọng về hải quan (Công ước KYOTO sửa đổi về đơn giản và thống nhất hóa thủ tục hải quan, Hiệp định trị giá GATT về các phương pháp xác định trị giá tính thuế, Công ước HS...).

Kể từ khi có hiệu lực, Luật Hải quan đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư của đất nước, đưa hoạt động hải quan tiến gần đến các chuẩn mực quốc tế. Việt Nam đã ký kết một số hiệp ước song phương với các đối tác kinh tế quan trọng như: ASEAN, Mỹ, Nhật Bản, EU và đang tích cực đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong tương lai gần. Theo những cam kết trong các Hiệp định song phương và các nghĩa vụ một thành viên của WTO, Việt Nam phải thực hiện Hiệp định về thực hiện Điều 7 Hiệp định Thuế quan và Thương mại (trị giá GATT), Công ước KYOTO về đơn giản và thống nhất hóa thủ tục hải quan, Công ước HS về danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại chủ quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs)... đòi hỏi các quy định về thủ tục hải quan phải được công khai minh bạch, đơn giản hơn nữa, nhằm đáp ứng được các chuẩn mực Hải quan quốc tế; hài hòa với những quy định của các đối tác thương mại đối với Việt Nam, tạo hành lang pháp lý để thực hiện cải cách hành chính và hiện đại hóa hoạt động hải quan. Ngoài ra, Luật Hải quan hiện hành cũng còn một số hạn chế, ảnh hưởng đến doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, những hạn chế này đã được phân tích trong chương 2 ở tiểu tiết 2.3.2.

Với những hạn chế trên, việc hoàn thiện Luật Hải quan vừa có ý nghĩa trực tiếp, vừa tạo cơ sở cho việc ban hành, hoàn thiện các văn bản quy định cụ thể Luật liên quan đến quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Việc hoàn thiện đó cần được tiến hành theo một số nội dung sau:

Thứ nhất: Thực hiện hiện đại hóa hải quan trong đó điều căn bản là thủ tục hải quan điện tử dựa trên hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, nhằm làm thay đổi cơ bản thao tác trong dây chuyền thủ tục hải quan. Đặc biệt, việc truyền nhận dữ liệu điện tử do các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu đảm nhận. Mặc dù đã quy định nguyên tắc chung cho việc thực hiện hiện đại hóa hải quan nhưng Luật Hải quan hiện hành chưa quy định cụ thể, tạo điều kiện áp dụng phương pháp quản lý hiện đại như giao dịch điện tử, kỹ thuật quản lý rủi ro. Để bắt kịp trình độ khu vực và quốc tế, Luật Hải quan cần có những quy định thích hợp, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi áp dụng kỹ thuật quản lý tiên tiến, phù hợp với lộ trình hiện đại hóa hải quan. Từ đây, cần bổ sung sửa đổi Điều 8 dẫn đến một loạt các sửa đổi, bổ sung tương ứng (và quy định thêm chi tiết) tại các Điều 16 (thủ tục hải quan), Điều 17 (địa điểm làm thủ tục hải quan), Điều 20 (khai hải quan); Điều 22 (hồ sơ hải quan), Điều 23 (quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan), Điều 25 (thông quan hàng hóa), Điều 28 (kiểm tra, đăng ký hồ sơ hải quan) của Luật Hải quan hiện hành.

Thứ hai: Hoàn thiện quy định về nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát hải quan.

Điều 15 Luật hiện hành quy định về nguyên tắc này nhưng chưa đầy đủ. Kiểm tra sau thông quan là một trong những chức năng quan trọng nhất của hải quan và là một công việc đầy nhạy cảm. Nhằm đảm bảo nguyên tắc vừa đảm bảo quản lý, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Công ước KYOTO sửa đổi 1999 có quy định: "- Chuẩn mực 6.2: Việc

kiểm tra hải quan phải được giới hạn ở mức cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ Luật Hải quan; - chuẩn mực 6.3: Khi thực hiện kiểm tra hải quan, cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro". Để nội luật hóa các chuẩn mực trên cần bổ sung Điều 15 làm cơ sở cho việc quy định căn cứ, thẩm quyền kiểm tra hải quan (Điều 29), các hình thức kiểm tra hải quan được đề cập tại các điều 28, 30, 32 của Luật Hải quan hiện hành.

Thứ ba: Quy định hợp lý thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan. Chuẩn mực 3.2.5 của Công ước KYOTO 1999 quy định: "Luật pháp quốc gia phải có quy định cho phép nộp, đăng ký và kiểm tra tờ khai hàng hóa cùng với các chứng từ đi kèm trước khi hàng đến cửa khẩu". Luật Hải quan hiện hành quy định chưa rõ về quyền của người khai hải quan, việc khai và nộp tờ khai hải quan trước khi hàng đến cửa khẩu. Để phù hợp với thông lệ quốc tế và bảo đảm quy định này được minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, cần bổ sung nội dung này vào Điều 18 của Luật hiện hành.

Thứ tư: Hoàn thiện các quy định về thông quan hàng hóa. Thực tế kiểm tra hải quan cho thấy, không phải bao giờ cũng có thể xác định chính xác chủng loại, phẩm cấp hàng hóa ngay tại cửa khẩu. Nhiều trường hợp phải làm các xét nghiệm phân tích, phân loại mới xác định được chính xác tên hàng, chủng loại... ngoài ra không ít các mặt hàng cần phải xác định giá. Quy định của Luật hiện hành chỉ cho phép: "đưa hàng hóa về bảo quản" sẽ gây ách tắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chuẩn mực 3.42 của Công ước KYOTO sửa đổi 1999 quy định: "khi cơ quan hải quan quyết định phải có kết quả phân tích mẫu hàng, Hải quan sẽ giải phóng hàng trước khi có kết quả nói trên với điều kiện các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện và với điều kiện hàng hóa đó không thuộc diện bị cấm đoán hay hạn chế". Như vậy để phù hợp với chuẩn mực nếu trên của Công ước KYOTO cần sửa đổi, bổ sung Điều 25 của Luật Hải quan hiện hành.

Thứ năm: Hoàn thiện các quy định về các hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập khẩu. Theo quy định của Luật Hải quan hiện hành, để được miễn kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu doanh nghiệp phải đáp ứng đồng thời hai điều kiện: *Một là*, về mặt hàng xác định; *hai là*, có quá trình chấp hành tốt pháp luật hải quan.

Thực tế nhiều chủ hàng chấp hành tốt pháp luật thì không xuất nhập khẩu những mặt hàng được miễn kiểm tra thực tế; ngược lại những mặt hàng được miễn kiểm tra thực tế thì doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn để xác định có quá trình chấp hành tốt pháp luật. Thêm vào đó Luật hiện hành quy định (cứng) tỷ lệ kiểm tra xác suất đối với mỗi lô hàng dẫn đến các lô hàng phải kiểm tra không giảm được bao nhiêu.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định theo hướng diện miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở đánh giá cao sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoặc đối với những loại hàng, mặt hàng thuộc chính sách khuyến khích xuất khẩu, thuộc diện ưu đãi của Nhà nước như: Hàng nhập khẩu theo các dự án đầu tư, hàng đưa vào khu thương mại tự do, cảng trung chuyển, hàng viện trợ nhân đạo, hàng phục vụ cho an ninh quốc phòng... cơ quan hải quan sẽ kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật của chủ hàng và áp dụng các biện pháp kiểm tra thích hợp đối với các chủ hàng nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ. Đối với loại hàng thuộc diện phải kiểm tra, cơ quan hải quan căn cứ kết quả phân tích thông tin, đánh giá khả năng vi phạm pháp luật hải quan để kiểm tra theo xác suất. Tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên cũng như kiểm tra xác suất sẽ được Chính phủ quy định từng thời kỳ phù hợp với trình độ phát triển, hiện đại hóa của Hải quan Việt Nam. Giảm tỷ lệ hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra thực tế là một yêu cầu bức thiết, đồng thời đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, Luật Hải quan hiện hành cần được sử đổi, bổ sung Điều 30 để đáp ứng đòi hỏi trên.

Thứ sáu: Hoàn thiện các quy định về kiểm tra sau thông quan. Kiểm tra sau thông quan đã được Hải quan nhiều nước trên thế giới áp dụng rất hiệu quả, góp phần tích cực vào việc giải quyết ách tắc tại cửa khẩu, tăng cường quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Luật Hải quan hiện hành quy định kiểm tra sau thông quan chỉ được thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan. Quy định này tránh được việc cơ quan hải quan tùy tiện, kiểm tra tràn lan, xong lại đồng nghĩa với việc đã kiểm tra sau thông quan, tức là doanh nghiệp có vi phạm pháp luật. Như vậy, một doanh nghiệp bị kiểm tra sau thông quan sẽ bị ảnh hưởng đến uy tín. Cần nhận thức kiểm tra sau thông quan thực chất là khâu nghiệp vụ tiếp theo của kiểm tra hải quan, qua kiểm tra cơ quan hải quan có thêm thông tin để quyết định hình thức kiểm tra, giám sát thích hợp, bảo đảm nguyên tắc, vừa tạo thuận lợi, vừa quản lý chặt chẽ.

Theo quy định của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), Công ước KYOTO, các nước ASEAN... cơ quan hải quan khi thực hiện kiểm tra hải quan dựa trên kết quả phân tích thông tin, đánh giá khả năng vi phạm pháp luật hải quan đều phải kết hợp hài hòa kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan và kiểm tra sau thông quan. Cùng với việc mở rộng diện hàng hóa được miễn kiểm tra thực tế khi làm thủ tục hải quan thì cần thiết phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm. Tăng cường kiểm tra sau thông quan cũng rất phù hợp với chủ trương cải cách hành chính hiện nay của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, quy định về kiểm tra sau thông quan tại Điều 32 của Luật Hải quan hiện hành cần được nới rộng phạm vi hoạt động kiểm tra sau thông quan như đã phân tích ở trên.

3.2.2. Thường xuyên làm tốt công tác rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu

Thứ nhất: Cần chủ động khảo sát lại chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hải quan các cấp từ Trung ương đến cấp Chi cục theo hướng phân định rõ chức

năng, nhiệm vụ, phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm căn cứ trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc thực tế và mục tiêu đặt ra. Song với việc rà soát tổ chức, cần rà soát lại yêu cầu, nhiệm vụ, thẩm quyền trách nhiệm của từng chức danh công chức hải quan từ Trung ương đến cấp cơ sở theo hướng chuyên môn hóa, nâng cao năng lực và tính liêm chính của cán bộ Hải quan các cấp. Trên cơ sở kết quả khảo sát và rà soát cần đưa vào kế hoạch nghiên cứu, xây dựng hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng nhiệm vụ của Hải quan các cấp cũng như tiêu chuẩn hóa từng chức danh phù hợp với mô hình tổ chức mới, phù hợp với lộ trình xây dựng pháp luật hải quan trong giai đoạn tới năm 2010.

Thứ hai: Tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan có đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan, trong đó có các quy định về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu gồm nhiều văn bản có hiệu lực khác nhau, từ Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Quyết định, Thông tư liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với nhau và giữa Tổng cục Hải quan với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các văn bản thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, gửi Tổng cục Hải quan ở hình thức công văn mà có chứa đựng các quy phạm pháp luật. Ngoài ra, còn có các văn bản khác cũng chứa các quy phạm pháp luật về Hải quan là các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập đã có hiệu lực thi hành (Điều ước ký kết hoặc gia nhập tổ chức quốc tế; Hiệp định; Nghị định thư ký kết với các quốc gia

trên thế giới; thỏa thuận của Tổng cục Hải quan với các tổ chức quốc tế, với Hải quan của các nước trên thế giới...).

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan trên đã bộc lộ những hạn chế, thiếu sót như ở chương 2 luận văn đã phân tích. Đó là tình trạng quy định manh mún, mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất có trong một văn bản này với văn bản khác. Nhiều văn bản cùng điều chỉnh một vấn đề nhưng nội dung quy định lại khác nhau, gây khó khăn và không thống nhất trong việc thi hành. Văn bản của cấp dưới đôi khi có nội dung trái với văn bản của cấp trên hoặc quá thẩm quyền. Tồn tại nhiều lỗ hổng pháp lý, nhiều lĩnh vực chuyên ngành chưa được quy định cụ thể rõ ràng, điều chỉnh kịp thời dẫn đến quản lý nhà nước về hải quan bị lợi dụng, luồn lách tác động ảnh hưởng xấu đến sự lành mạnh của nền kinh tế cùng như ảnh hưởng xấu tới tâm lý của người dân đối với thể chế nhà nước và sự thừa hành nhiệm vụ của ngành Hải quan.

Nhiều quy định của pháp luật nhất là luật, pháp lệnh phần lớn chỉ dừng ở nguyên tắc chung mang tính chất khung thiếu cụ thể, buộc phải quy định bổ sung, hướng dẫn, chi tiết hóa mới thi hành được, làm giảm hiệu lực thực tế của văn bản, làm cho văn bản chậm đi vào cuộc sống, chưa thực hiện được nguyên tắc là bảo đảm tính đồng bộ, ban hành văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa ngay khi Luật, Nghị định đã có hiệu lực. Do vậy, để khắc phục được tình trạng này thì cần phải tiến hành đồng bộ một số biện pháp sau:

- Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên và trọng tâm, là công việc bắt buộc không thể thiếu được trong chương trình công tác hàng năm của ngành Hải quan, của mỗi đơn vị, cơ quan trực thuộc ngành.

- Tiến hành rà soát thường xuyên, khi phát hiện những bất cập, vướng mắc cần kiến nghị kịp thời cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ, bãi bỏ.

- Khi phát hiện các vấn đề mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế tổ chức quản lý, hoặc các quy định của pháp luật về hải quan do các cơ quan khác có thẩm quyền của Nhà nước ban hành còn thiếu chặt chẽ, sơ hở phải kịp thời kiến nghị xử lý, nếu thuộc thẩm quyền của Tổng cục Hải quan thì phải được xử lý ngay hoặc kịp thời tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính... ban hành các văn bản điều chỉnh có nội dung phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Khi dự thảo các Luật, Nghị định, Quyết định... phải đồng thời soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành, nếu các văn bản này cần phải chi tiết hóa để thực hiện dễ dàng. Trong điều kiện có thể cần hạn chế tối đa việc luật, pháp lệnh chỉ quy định nguyên tắc chung, phải có nhiều văn bản quy định cụ thể hướng dẫn thi hành.

Căn cứ vào kết quả rà soát để phân loại văn bản cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, xây dựng kế hoạch soạn thảo và trình thông qua, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan liên quan đến doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu trong khi rà soát cần chú ý các quy định về thủ tục hải quan, về kiểm tra giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, trong quá trình làm thủ tục xuất nhập khẩu, về kiểm tra sau thông quan, về nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan, cán bộ công chức hải quan, bảo đảm sự nhất quán, tính cụ thể, minh bạch, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tạo khuôn khổ pháp lý thông thoáng thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Thứ ba: Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan đối chiếu với các cam kết quốc tế.

Việc rà soát và hệ thống hóa toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính trên cơ sở đối chiếu

với các cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan trong điều kiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay đây là vấn đề bức xúc. Việc rà soát đó cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan trên cơ sở đối chiếu với khả năng của Việt Nam tham gia thực hiện Công ước KYOTO sửa đổi về đơn giản hóa, thống nhất hóa thủ tục hải quan.

- Rà soát đối chiếu quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu và biểu thuế xuất nhập khẩu trên cơ sở hệ thống điều hòa và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới.

- Rà soát và hệ thống hóa các quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xác định trị giá hải quan đối chiếu với các nguyên tắc về xác định giá trị hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trên cơ sở quy định của điều VII Hiệp định GATT và Hiệp định về việc thi hành điều VII Hiệp định GATT.

- Rà soát lại cơ chế pháp lý trên cơ sở định hướng công khai hóa mọi luật lệ và thủ tục liên quan đến hoạt động hải quan sao cho các doanh nghiệp có thể tiếp cận thuận lợi.

- Nghiên cứu, từng bước chấp nhận và sử dụng tiêu chuẩn UN/EDIFACT UN/Electric Data Interchange for Administration, Commerce and Transport) trao đổi cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ quản lý, thương mại và rà soát lại các quy định trong hệ thống pháp luật về hoạt động hải quan theo hướng dẫn bảo đảm quyền khiếu nại rõ ràng cho các doanh nghiệp.

- Rà soát và hệ thống hóa lại các quy định về biện pháp bảo hộ sở hữu trí tuệ thông qua việc làm thủ tục và kiểm tra hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phù hợp với các quy định của Hiệp định TRIPs và các Hiệp định song phương mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

- Nghiên cứu tiếp thu các quy định đảm bảo thuận lợi cho hoạt động tạm nhập khẩu bằng việc tham gia và thi hành các quy định của Công ước APTA.

- Rà soát các quy định liên quan đến việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động hải quan nhằm giảm thiểu việc kiểm tra hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý và chống gian lận thương mại.

- Rà soát các quy định liên quan và căn cứ vào Công ước quốc tế về giúp đỡ hành chính lẫn nhau nhằm ngăn ngừa và trấn áp các vi phạm hải quan để đưa ra kiến nghị áp dụng cho phù hợp.

Ngoài ra, cần chú trọng rà soát và kiến nghị thực hiện các nguyên tắc của WTO về thông quan nhanh chóng đối với hàng hóa chuyển phát nhanh thực hiện các thủ tục đơn giản nhằm cung cấp các thông tin về phân loại hàng hóa trước khi nhập khẩu.

Thứ tư: Về nội dung việc rà soát, hệ thống hóa pháp luật về hải quan, quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu cần tập trung hoàn thiện những vấn đề sau:

- Hoàn thiện pháp luật về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Hoàn thiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm pháp luật hải quan trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Thiết lập một hệ thống pháp luật quy định đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Hải quan Việt Nam;

- Hoàn thiện các quy định về thẩm quyền quản lý hải quan và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trong hoạt động hải quan.

- Hiện đại hóa hải quan.

3.2.3. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu và cán bộ công chức ngành hải quan

Pháp luật dù có hoàn thiện đến mấy chăng nữa nhưng nếu không được thực hiện thì cũng chẳng có giá trị. Vì lẽ đó, việc hoàn thiện pháp luật phải bao hàm trong đó cả cơ chế thực thi pháp luật, bảo đảm thực hiện pháp luật, đồng thời chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Đối với việc thực hiện và bảo đảm thực hiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan cần chú trọng công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn pháp luật cho đồng thời cả hai đối tượng, cả doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu và các cán bộ công chức ngành hải quan. Điều này đòi hỏi phải áp dụng nhiều biện pháp, phương pháp khác nhau, trong đó cần chú ý các biện pháp sau:

- Cần tuyên truyền, phổ biến pháp luật từ khi soạn thảo văn bản để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng có liên quan, như các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu, các Bộ, ngành có liên quan và tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong nước và quốc tế về các lĩnh vực đó.

- Có kế hoạch tập huấn thường xuyên cho các đối tượng, bao gồm cán bộ công chức hải quan, các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu để đảm bảo cho việc thực hiện pháp luật một cách thống nhất.

- Có quy chế công bố công khai các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan trên các phương tiện thông tin đại chúng, công báo...

- Xây dựng hệ thống sách pháp luật hải quan, trong đó phải thường xuyên, liên tục, cập nhật các văn bản, chính sách mới về hải quan.

- Tăng cường công tác đào tạo pháp luật hải quan trong các trường, các khóa huấn luyện nghiệp vụ hải quan.

- Cần thiết lập hệ thống tư vấn pháp luật về hải quan, bao gồm cả tư vấn trực tuyến (mạng điện thoại, mạng internet...), tư vấn dịch vụ thông qua

các trung tâm tư vấn pháp luật để đáp ứng cho các đối tượng doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận văn có hai nội dung lớn, được trình bày thành hai tiết:

- Tiết một phân tích yêu cầu khách quan hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, chú trọng vào các yêu cầu sau:

+ Yêu cầu tiếp tục thể chế hóa chủ trương hiện đại hóa ngành Hải quan của Đảng, Nhà nước.

+ Yêu cầu hiện đại hóa hải quan phục vụ quản lý doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

+ Yêu cầu tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

+ Từ chính thực trạng pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Tiết hai phân tích các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Trong tiết này, luận văn đã đề xuất và luận chứng một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện về nội dung, đảm bảo tính đồng bộ, tính tương thích với pháp luật hải quan khu vực và pháp luật của Tổ chức Hải quan thế giới, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành hải quan, hiện đại hóa thủ tục hải quan, khắc phục được thực trạng soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật hải quan hiện nay, đồng thời đảm bảo cho công chức hải quan và các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu thực hiện nghiêm minh pháp luật đó.

KẾT LUẬN

Từ năm 2004 ngành Hải quan bắt đầu triển khai "Kế hoạch cải cách, phát triển hiện đại hóa ngành hải quan giai đoạn 2004-2006" và chiến lược phát triển đến năm 2010, đề ra phương châm hành động của ngành: "Thuận lợi - Tận tụy - Chính xác", hướng tới mục tiêu "Xây dựng hải quan thành lực lượng chuyên nghiệp có chuyên môn sâu và hiện đại, hoạt động minh bạch, liêm chính và có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước" [45]. Thực hiện kế hoạch và chiến lược trên đặt ra vấn đề phải hoàn thiện pháp luật về hải quan, trong đó có pháp luật quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm tạo ra những thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa hội nhập thương mại khu vực và thế giới, chuẩn bị đầy đủ và điều kiện khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Cùng với những đổi mới về kinh tế - xã hội, việc hoàn thiện pháp luật hải quan nói chung và pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng đã có nhiều tiến bộ, song vẫn chưa đáp ứng kịp những yêu cầu của sự phát triển nền kinh tế mở cửa hội nhập trong thời kỳ mới; vẫn còn hạn chế cả về nội dung cũng như hình thức, trở thành vấn đề bức xúc không chỉ của ngành hải quan mà cả của cộng đồng các doanh nghiệp. Luận văn với đề tài: "*Hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu*" được thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu trên. Luận văn dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận liên quan, như các khái niệm, đặc điểm,vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu; yêu cầu khách quan và tiêu chí hoàn thiện pháp luật này. Dựa vào các tiêu chí

hoàn thiện, luận văn đã tiến hành phân tích thực trạng pháp luật trong quản lý nhà nước về hải quan, rút ra những tồn tại hạn chế, từ đó đề xuất và luận chứng các giải pháp cụ thể để hoàn thiện cả về nội dung lẫn hình thức của bộ phận pháp luật quan trọng này và bảo đảm thực hiện pháp luật đó trong thực tiễn.

Do các quy phạm pháp luật quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu liên quan đến nhiều văn bản, do nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cả ở cấp độ lập pháp, cả ở cấp độ lập quy, liên quan đến các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta tham gia, ký kết nên việc nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp hoàn thiện hết sức khó khăn, phức tạp, không thể không có hạn chế, thiếu sót. Tuy nhiên, với kết quả đạt được, luận văn đã đặt cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện một bộ phận pháp luật quan trọng của hệ thống pháp luật hải quan, có giá trị tham khảo cho ngành Hải quan, đáp ứng được yêu cầu chính đáng của doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu về các quyên tự do kinh doanh, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, góp phần tạo ra sự tương thích nhất định giữa pháp luật hải quan với pháp luật hải quan của các nước khu vực và pháp luật của Tổ chức Hải quan thế giới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Ngọc Anh (1996), *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về hải quan ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Bộ Thương mại (2000), *Công văn số 3936/TM-XNK ngày 27/10 về việc triển khai chiến lược phát triển xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001 - 2010*, Hà Nội.
3. Bộ Thương mại (2002), *Cơ chế điều hành xuất nhập khẩu thời kỳ 2001-2005*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2005), *Quyết định số 2221/QĐ-BTC ngày 06/7 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc chọn Cục Hải quan thành phố Hải phòng và Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm thủ tục hải quan điện tử*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2005), *Quyết định số 2222/QĐ-BTC ngày 06/7 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Chi Cục Hải quan điện tử thuộc Cục Hải quan thành phố Hải phòng và Chi Cục Hải quan điện tử thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh*, Hà Nội
6. Bộ Tài chính (2005), *Quyết định số 50/2005/QĐ-BTC ngày 19/7 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định quy trình thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
7. Chính phủ (1945), *Thành lập Sở thuế quan và thuế gián thu, Sắc lệnh số 27/SL ngày 19/9*, Hà Nội.
8. Chính phủ (1960), *Ban hành Điều lệ Hải quan, Công văn số 1405/CP ngày 20/3*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2001), *Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan*, Hà Nội.

10. Chính phủ (2001), *Nghị định 102/2001/NĐ-CP ngày 31/12 quy định chi tiết về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Nguyễn Thị Đoan - Đỗ Minh Cương - Phương Kỳ Sơn (1996), *Các học thuyết quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nguyễn Duy Gia (1994), *Nâng cao quyền lực, năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực pháp luật*, Nxb Lao động, Hà Nội.

15. Hoàng Văn Hảo (1999), "Tìm hiểu vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường", *Luật học*, (3).

16. Nguyễn Vũ Hoàng (2003), *Các liên kết kinh tế, thương mại quốc tế,* Nxb Thanh niên, Hà Nội.

17. *Hỏi đáp về pháp luật hải quan (2003)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Nguyễn Đức Kiên (2002), "Hải quan Việt Nam trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", *Lý luận chính trị*, (7).

19. *Luật Thương mại* (1997), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. *Luật thuế xuất nhập khẩu* (1998), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. *Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, thủ tục hải quan, phương pháp xác định giá tính thuế (2003)*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

22. *Luật Hải quan một số nước* (2003), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. *Luật Doanh nghiệp nhà nước* (2003), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. *Những văn bản pháp lý và tập quán quốc tế về xuất nhập khẩu* (1992), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

25. Nguyễn Trọng Nghĩa (2002), "Làm gì để nâng cao chất lượng kiểm tra sau thông quan", *Tài chính*, (12).

26. *Pháp luật và chế độ xã hội chủ nghĩa* (1982), Nxb Pháp lý, Hà Nội.

27. *Pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa* (1982), Nxb Pháp lý, Hà Nội.

28. Quốc hội (1990), *Pháp lệnh Hải quan*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.

29. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

30. Quốc hội (1996), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Quốc hội (1999), *Bộ Luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Quốc hội (2001), *Nghị quyết số 51/2001/QH10 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, Hà Nội.

33. Nguyễn Thanh Quốc (2002), "Những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện hoạt động Hải quan Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế", *Khoa học chính trị*, (3).

34. Nguyễn Thanh, Đỗ Hữu Ngập, Phạm Ngọc Toàn (1995), *Xây dựng Hải quan thành lực lượng biên phòng trên mặt trận kinh tế đáng tin cậy và tinh nhuệ*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

35. Thủ tướng Chính phủ (2000), *Chỉ thị số 22/2001/CT-TTg ngày 27/10 về chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001 - 2010*, Hà Nội.

36. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9 phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010*, Hà Nội.

37. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 149/2005/QĐ-TTg ngày 20/6 về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử*, Hà Nội.

38. Tổng cục Hải quan (1993), *Bộ luật Hải quan Cộng hòa Pháp*, Hà Nội.

39. Tổng cục Hải quan (1995), *Hải quan Việt Nam - Những sự kiện (1945 - 1995)*, Hà Nội.

40. Tổng cục Hải quan (1996), *Thủ tục hải quan các nước ASEAN*, Nxb tài chính, Hà Nội.

41. Tổng cục Hải quan (1999), *Cải cách hành chính hải quan*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

42. Tổng cục Hải quan (2001), *Tờ trình Chính phủ số 35/TCHQ-PC ngày 03/01 về dự án Luật Hải quan*, Hà Nội.

43. Tổng cục Hải quan (2003), *Báo cáo tổng kết năm 2002 của ngành Hải quan*, Hà Nội.

44. Tổng cục Hải quan (2003), *Báo cáo về nội dung triển khai chủ trương định hướng của ngành Hải quan về tăng cường công tác chống buôn lậu và kiểm tra sau thông quan của lực lượng Hải quan,* Hà Nội.

45. Tổng cục Hải quan (2004), *Báo cáo tổng kết năm 2003 của ngành Hải quan*, Hà Nội..

46. Tổng cục Hải quan (2005), *Báo cáo tổng kết 03 năm thực hiện Luật Hải quan*, Hà Nội.

47. Tổng cục Hải quan (2005), *Tờ trình Chính phủ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan*, Hà Nội.

48. Trung tâm Thông tin thư viện và Nghiên cứu khoa học Văn phòng Quốc hội (2002), *Cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam (1945 - 2002)*, Hà Nội

49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2002), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

51. Đào Trí Úc (1993), *Những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

52. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính,* Hà Nội.

53. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1996 - 2004

Đơn vị tính: Triệu USD

NĂM	XUẤT KHẨU	NHẬP KHẨU	CÁN CÂN THƯƠNG MẠI
1996	7.256	11.143	-3.887
1997	8.759	11.151	-2.392
1998	9.324	11.494	-2.170
1999	11.52	11.622	-101
2000	14.449	15.635	-1.186
2001	15.027	16.162	-1.135
2002	16.705	19.733	-3.028
2003	20.176	25.227	-5.051
2004	26.504	31.953	-5.449

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Phụ lục 2

KẾT QUẢ CHỐNG BUÔN LẬU, CHỐNG GIAN LẬN THƯƠNG MẠI CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

NĂM	SỐ VỤ	TRỊ GIÁ (tỷ đồng)
1996	12.500	370
1997	17.600	530
1998	11.600	270
1999	9.500	270
2000	6.463	237
2001	8.603	173,5
2002	8.965	160,6
2003	13.050	912
2004	11.327	405
2005	9.920	720

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)